

BẢN TIN

Doanh nghiệp và

Tự do hóa thương mại

Số 21+22, Quý III+IV/2020

www.trungtamwto.vn



**SUY NGẪM
VỀ HỘI NHẬP
TRƯỚC THÊM
2021**



Quý Bạn đọc đang cầm trên tay Bản tin “Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại”, ấn phẩm xuất bản hàng quý của Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Bản tin “Doanh nghiệp và Tự do hóa thương mại” cung cấp các thông tin thời sự cập nhật và các thảo luận chuyên sâu về các sự kiện, câu chuyện hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hóa thương mại, đặc biệt là qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA) ở Việt Nam và trên thế giới.

Với cách tiếp cận thực tiễn và các phân tích cụ thể từ góc nhìn của doanh nghiệp. Bản tin hy vọng mang tới những thông tin hữu ích cho các doanh nghiệp, góp phần cùng doanh nghiệp chủ động tìm hiểu, chuẩn bị kế hoạch và triển khai hành động, tận dụng hiệu quả các lợi ích từ quá trình tự do hóa thương mại của Việt Nam.

**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 35771458

Email: banthuky@trungtamwto.vn

Website: www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn/www.aecvcci.vn

Facebook: [facebook.com/trungtamwtovahoinhap](https://www.facebook.com/trungtamwtovahoinhap)



MỤC LỤC



TIN VIỆT NAM

5

Bức tranh thương mại – đầu tư quốc tế năm 2020

11

Những trái ngọt đầu tiên từ EVFTA

16

Chính thức ký Hiệp định quy mô lớn nhất thế giới – RCEP

20

Việt Nam và Anh ký kết Hiệp định Thương mại Tự do

22

CPTPP hấp dẫn trong mắt nhiều Đối tác

26

Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN (ACTS) chính thức vận hành

28

Cước tàu biển tăng cao, thiếu container – Doanh nghiệp xuất nhập khẩu gặp khó

32

Phòng vệ thương mại – Công cụ bảo vệ ngành sản xuất nội địa trong bối cảnh hội nhập

35

Tổng hợp diễn tiến các vụ điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) liên quan tới hàng hóa xuất, nhập khẩu trong 6 tháng cuối năm 2020



TIN QUỐC TẾ

43

Diễn tiến các điểm nóng căng thẳng thương mại năm 2020

Mỹ - Trung: Đã hòa hoãn hơn nhưng sẽ không sớm chấm dứt

Mỹ - EU: Lại chuyện trợ cấp máy bay

Trung Quốc - Australia: Đột ngột đổi đầu

47

EU và Trung Quốc ký kết thỏa thuận đầu tư toàn diện

48

Anh và Liên minh châu Âu hoàn tất thỏa thuận hậu Brexit

50

Campuchia đẩy nhanh tiến trình hội nhập

Chính thức ký kết Hiệp định thương mại tự do Trung Quốc - Campuchia

Khởi động đàm phán Hiệp định thương mại tự do Hàn Quốc - Campuchia

53

Hàn Quốc và Indonesia ký Hiệp định Thương mại Tự do

CHUYÊN ĐỀ

55

SUY NGẪM VỀ CON ĐƯỜNG HỘI NHẬP FTA TRƯỚC THỀM 2021



27466

45 1

MAX GROSS

30,480 KG
67,200 LB

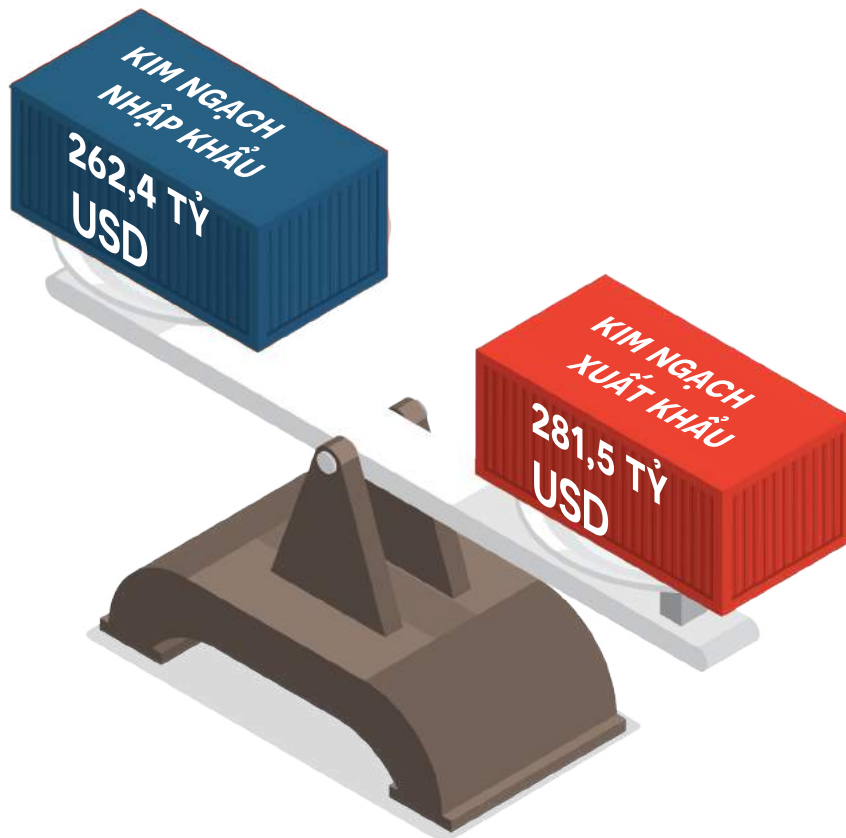
TARE

3,890 KG
8,575 LB

BỨC TRANH THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ QUỐC TẾ NĂM 2020

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Cán cân thương mại xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2020



Nhận xét:

- Trong năm 2020, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 cản trở nghiêm trọng hoạt động xuất nhập khẩu trên toàn thế giới, xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam vẫn tăng trưởng dương, lần lượt là 6,5% và 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu mặc dù đã giảm đáng kể so với năm 2019 (năm 2019, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu lần lượt tăng 8,1% và 7% so với năm 2018), nhưng vẫn được đánh giá là khả quan so với mặt bằng chung của thế giới, đưa Việt Nam đứng thứ 22 thế giới về quy mô kim ngạch và năng lực xuất khẩu.
- Năm 2020 là năm thứ 5 liên tiếp Việt Nam xuất siêu, với mức thặng dư cao nhất từ trước tới nay, đạt 19,1 tỷ USD.

Những mặt hàng xuất nhập khẩu chính của Việt Nam năm 2020, so với cùng kỳ năm 2019

Mặt hàng xuất khẩu đáng chú ý



Điện thoại và linh kiện

50,88 tỷ USD

▼ 1%



Điện tử, máy tính, linh kiện

44,668 tỷ USD

▲ 24,4%



Hàng dệt may

29,478 tỷ USD

▼ 10,2%



Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng

27,042 tỷ USD

▲ 47,8%



Giày dép

16,551 tỷ USD

▼ 9,6%



Gỗ và sản phẩm gỗ

12,323 tỷ USD

▲ 15,7%



Thủy sản

8,384 tỷ USD

▼ 1,8%



Rau quả

3,259 tỷ USD

▼ 13%

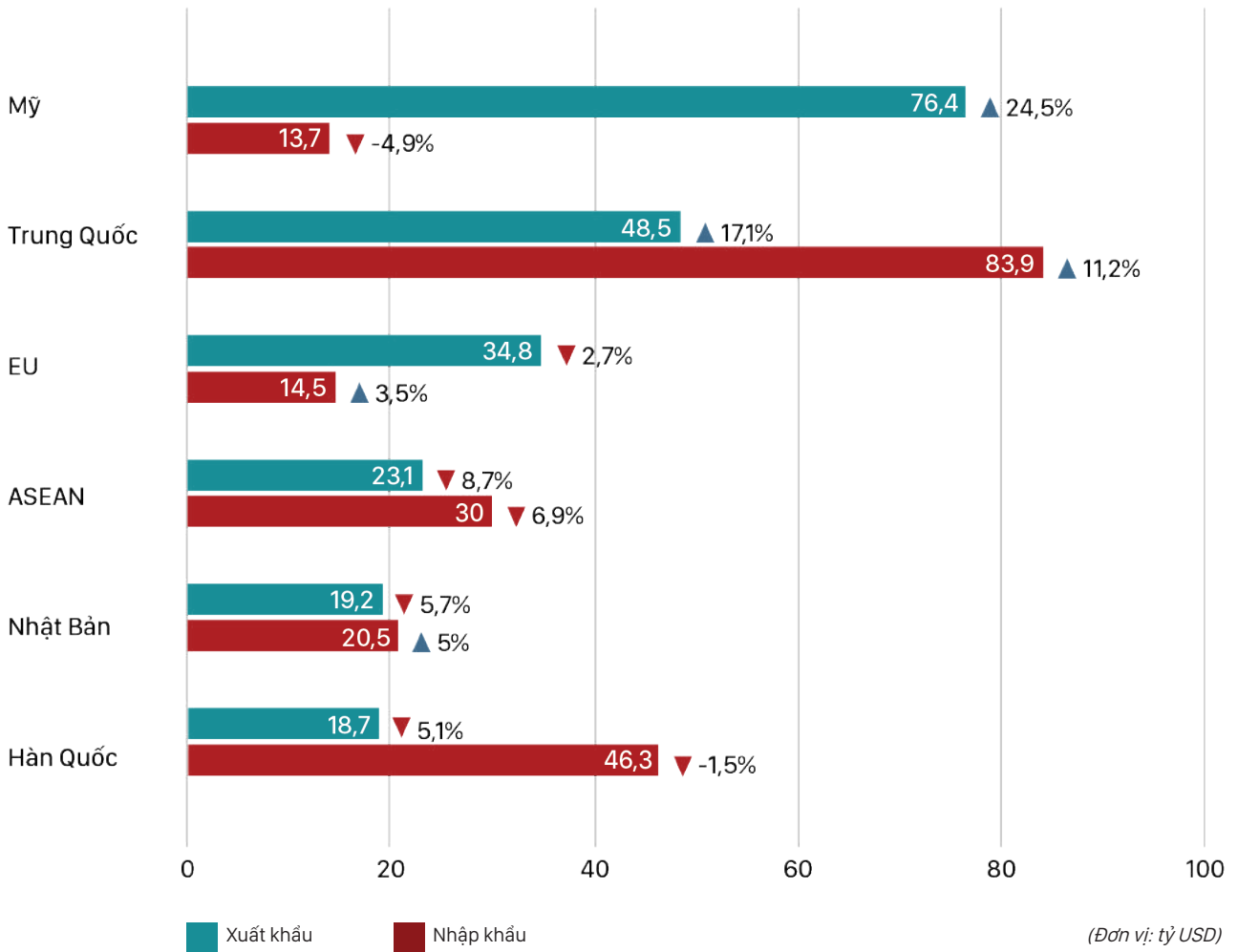
Mặt hàng nhập khẩu đáng chú ý



Nhận xét:

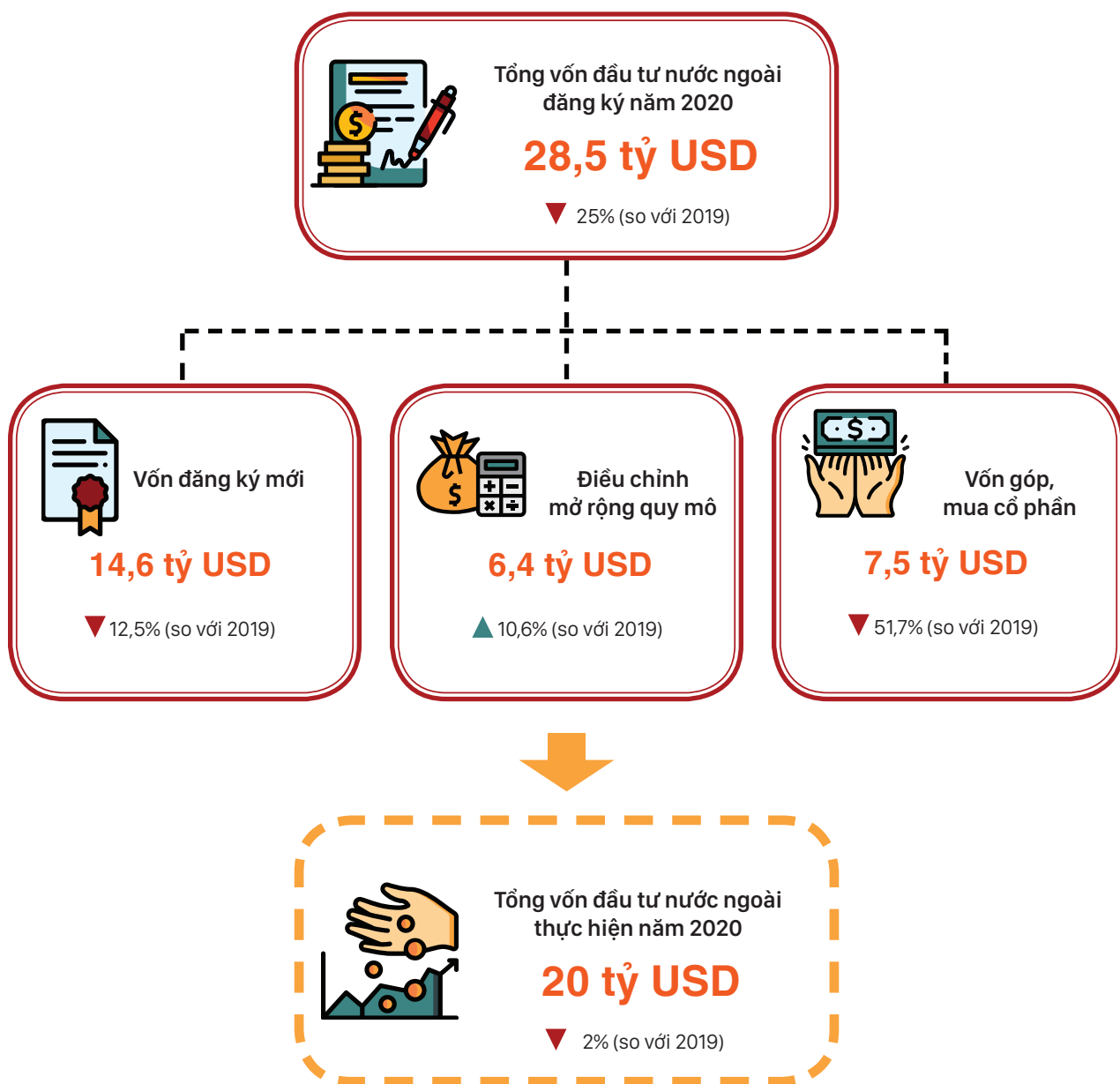
- Dưới tác động của dịch COVID-19, kết quả xuất nhập khẩu có sự phân hóa rõ ràng giữa các nhóm hàng hóa. Cụ thể, các sản phẩm phục vụ nhu cầu phát sinh đột biến trong mùa dịch như Điện thoại, điện tử, máy tính, linh kiện... ghi nhận mức tăng cao, trong khi các nhóm hàng không thiết yếu (dệt may, giày dép và các nguyên phụ liệu...) có xu hướng giảm.
- Các mặt hàng điện thoại, điện tử, máy tính, linh kiện chiếm xấp xỉ 1/3 tổng kim ngạch cả xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam, chiếm tỷ trọng lớn nhất về kim ngạch.
- Nhập khẩu máy móc, phụ tùng phục vụ sản xuất đứng thứ 2 về kim ngạch nhập khẩu, chiếm tỷ trọng 14,2%
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm thực phẩm khó bảo quản hoặc đòi hỏi thời gian vận chuyển nhanh đều giảm ở các mức khác nhau (thủy sản chỉ giảm nhẹ trong khi rau quả sụt giảm mạnh) so với 2019.

Các thị trường xuất nhập khẩu chính của Việt Nam năm 2020



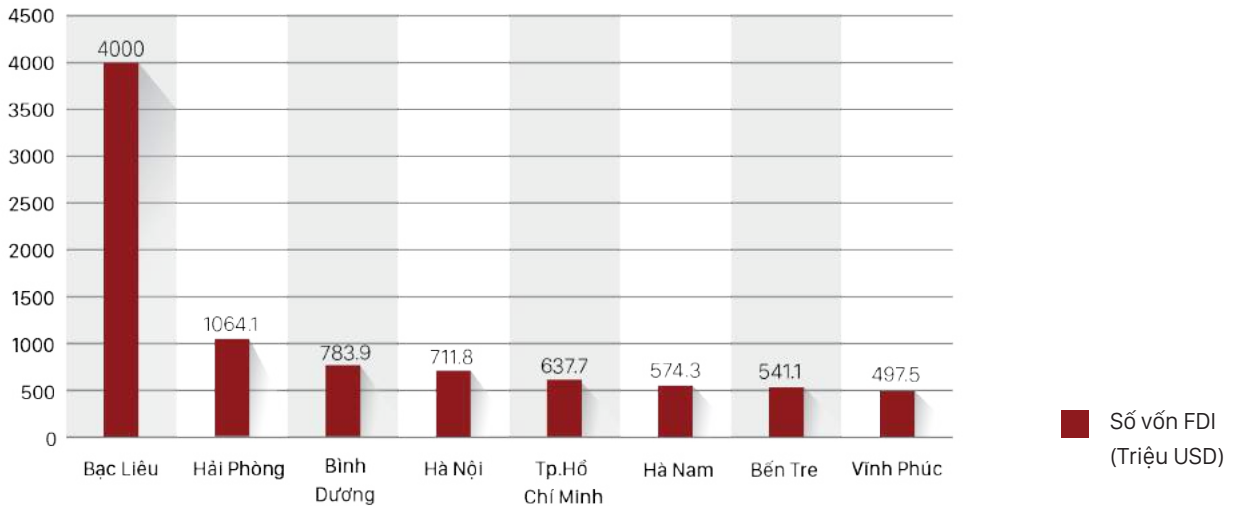
Nhận xét:

- Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm tới 27,14% tổng giá trị xuất khẩu (tăng so với mức 23% của 2019) mặc dù tốc độ tăng trưởng tổng kim ngạch đã giảm nhẹ (24,5%, so với 27,8% năm 2019); Trung Quốc và EU lần lượt là các thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 và 3 của Việt Nam;
- Trung Quốc vẫn duy trì vị trí thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam, chiếm gần 1/3 tổng nhập khẩu (cao hơn so với tỷ trọng 29,7% năm 2019); Hàn Quốc là nguồn nhập khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam, chiếm 17,6% tổng kim ngạch nhập khẩu. Như vậy gần phân nửa hàng hóa mà Việt Nam nhập khẩu năm 2020 là từ hai thị trường này. Đây cũng là hai nguồn nhập siêu lớn nhất vào Việt Nam.



- Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2020 sụt giảm mạnh, chỉ bằng ¼ số vốn thu hút năm 2019. Trong tình hình sụt giảm mạnh của nguồn vốn FDI trên thế giới trong đại dịch (giảm 49% trong nửa đầu năm 2020 so với cùng kỳ - theo UNESCAP), mức giảm này của Việt Nam vẫn được xem là khả quan
- Sụt giảm vốn FDI năm 2020 chủ yếu do vốn FDI gián tiếp (góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp Việt Nam) giảm mạnh;
- Vốn FDI đăng ký mới cũng giảm nhưng chỉ bằng nửa tốc độ giảm tổng FDI; 2020 là năm thứ 3 liên tiếp vốn đăng ký mới giảm; số lượng các dự án được cấp phép mới cũng giảm 35% so với năm 2019.
- Trong khi đó các FDI hiện hữu tại Việt Nam lại có xu hướng điều chỉnh mở rộng quy mô hoạt động, với mức tăng 10,6% so với năm 2019, chiếm 22,46% tổng vốn đăng ký (so với mức 15,25% năm 2019).

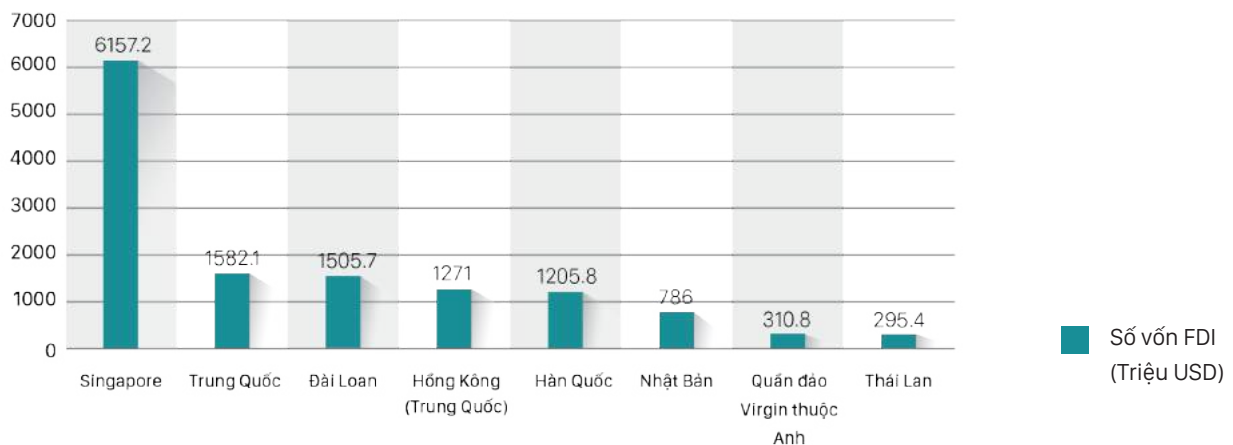
Top 8 địa phương có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất năm 2020



Nhận xét:

- Năm 2020, Bạc Liêu là địa phương có số vốn đăng ký FDI mới nhiều nhất, 4 tỷ USD, chiếm 27,31% tổng số vốn FDI đăng ký mới của cả nước. Tuy nhiên, toàn bộ số vốn này là từ Dự án Nhà máy điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) Bạc Liêu của nhà đầu tư Singapore với tổng vốn đầu tư 4 tỷ USD;
- Hải Phòng được xem là điểm thu hút FDI ấn tượng nhất năm 2020, với tổng số vốn FDI đăng ký mới tăng 92% so với 2019, đặc biệt là từ Nhật Bản.
- Bình Dương là địa phương duy nhất duy trì vị trí ở top ba thu hút FDI đăng ký mới so với năm 2019.

Top 8 các quốc gia và vùng lãnh thổ có số vốn FDI đăng ký mới nhiều nhất tại Việt Nam năm 2020



Nhận xét:

- Singapore là quốc gia đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam, chiếm khoảng 42% tổng vốn đăng ký cấp mới, trong đó 2/3 số vốn đăng ký là từ Dự án Nhà máy điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) Bạc Liêu
- Trung Quốc, Đài Loan và Hồng Kông (Trung Quốc) chiếm tổng cộng xấp xỉ 30% tổng vốn FDI đăng ký mới vào Việt Nam, giảm 6,34% so với năm 2019.

NHỮNG TRÁI NGỌT ĐẦU TIÊN TỪ EVFTA

Có hiệu lực từ đầu tháng 08/2020, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU (EVFTA) mới được thực thi chưa đầy nửa năm. Mặc dù vậy, vài tháng đầu thực thi đã cho thấy những thay đổi rất tích cực trong thương mại song phương giữa Việt Nam và EU.

Minh chứng rõ nét nhất thể hiện trong kết quả xuất nhập khẩu của Việt Nam với EU. Trong 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu Việt Nam sang EU giảm liên tục, ở mức 5,9% so với cùng kỳ 2019. Nhưng chỉ trong 3 tháng đầu thực thi EVFTA, Việt Nam đã xuất khẩu sang các thị trường EU lượng hàng hóa trị giá 11 tỷ USD, đạt mức tăng 5% so với cùng kỳ năm 2019. Điều này đã góp phần đáng kể giúp kéo tổng kim ngạch xuất khẩu 2020 vào EU đạt mức 34,8 tỷ USD, kéo lại đà giảm cả năm 2020 xuống còn 2,7% so với năm 2019.

Ở chiều ngược lại, số liệu nhập khẩu từ EU cũng ghi nhận những tăng trưởng tích cực. Trong năm 2020, kim ngạch nhập khẩu từ EU vào Việt Nam đã tăng 3,5% so với năm 2019; và con số này là 11% nếu chỉ riêng trong 3 tháng bắt đầu thực thi EVFTA.

Những “trái ngọt” mà EVFTA đem về trong thời gian đầu tiên này chủ yếu nhờ vào các cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với hàng loạt mặt hàng chủ chốt của Việt Nam như thủy sản, nông sản... Ví dụ, mặt hàng tôm đã đạt tăng trưởng đến 16% trị giá xuất khẩu sang EU chỉ trong vòng 1 tháng thực thi EVFTA, bất chấp ảnh hưởng từ COVID-19.



Theo Bộ Công Thương, từ 01/08 đến 18/12/2020, đã có hơn 62.000 bộ C/O mẫu EUR.1 được cấp cho hàng hóa nhập khẩu sang EU để được hưởng ưu đãi thuế quan cho lượng hàng hóa trị giá 2,35 tỷ USD. Các mặt hàng chủ yếu tận dụng được các ưu đãi thuế quan trong giai đoạn này là giày dép, dệt may, nông sản, thủy sản, hàng điện tử... Ngoài ra, doanh nghiệp còn áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trong EVFTA để hưởng thuế quan ưu đãi từ Hiệp định với lượng hàng hóa trị giá gần 6 triệu USD.

Không chỉ đem lại lợi ích về xuất khẩu, EVFTA còn làm tăng sức hấp dẫn của Việt Nam trong việc thu hút nhà đầu tư không chỉ từ các nước EU mà còn từ các nước ngoài khu vực EU. Chỉ trong 2 tháng đầu thực thi EVFTA, EU đã đầu tư vào Việt Nam 180 dự án với tổng vốn trên 100 triệu USD. Đây là những con số tích cực trong bối cảnh toàn cầu đang bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 và dòng đầu tư đang giảm bớt.

Những kết quả đầu tiên này cho thấy doanh nghiệp và Chính phủ Việt Nam đã bước đầu thực thi hiệu quả EVFTA trên cơ sở những bài học kinh nghiệm rút ra từ quá trình thực thi các hiệp định thương mại tự do trước đây. Với EVFTA, các cơ quan Nhà nước đã có sự chuẩn bị tốt hơn, nhanh chóng hơn trong ban hành các văn bản hướng dẫn thực thi Hiệp định. Các hoạt động phổ biến tuyên truyền cho EVFTA cũng đã được triển khai tích cực ngay từ khi Hiệp định này ký kết hồi giữa năm 2019 bởi các bộ ngành, các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp như VCCI, các hiệp hội.

Đặc biệt, doanh nghiệp đã chủ động hơn trong tìm hiểu cơ hội và hành động để tận dụng cơ hội cụ thể từ EVFTA. Theo một khảo sát mới đây của Trung tâm WTO và Hội nhập - VCCI về hiểu biết với các hiệp định thương mại tự do (FTAs) của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu liên quan, tỷ lệ doanh nghiệp hiểu tương đối rõ/rất rõ về các cam kết EVFTA liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình là cao nhất trong số các FTA. Tỷ lệ doanh nghiệp kỳ vọng rằng EVFTA sẽ đem lại tác động rất tích cực/tương đối tích cực cũng cao nhất trong số các FTA đang có hiệu lực.

So với các FTA trước đây, EVFTA có thể coi là một Hiệp định đặc biệt. EU là đối tác đặc biệt, đối tác đứng trong топ đầu thị trường xuất khẩu của Việt Nam, có cơ cấu kinh tế có tính bổ trợ với kinh tế nước ta, và EU chưa từng có FTA nào trước đó với Việt Nam. Từ góc độ kinh tế, điều này tạo ra nhiều cơ hội hơn là thách thức cho Việt Nam khi thực thi Hiệp định. Thời điểm Hiệp định có hiệu lực cũng là một thời điểm đặc biệt. EVFTA được thực thi giữa lúc thương mại quốc tế đang bị bủa vây trong khó khăn do khủng hoảng kinh tế từ COVID-19, căng thẳng thương mại và xu thế bảo hộ gia tăng. Trong bối cảnh như vậy, những cơ hội từ EVFTA càng quý giá hơn, mở ra những hy vọng về các cơ hội hồi phục và thúc đẩy kinh tế.

Những trái ngọt đầu tiên này cho chúng ta hy vọng về tương lai tốt đẹp hơn trong những năm tới cùng với quá trình thực thi Hiệp định đặc biệt này.■



Doanh nghiệp có thể tham khảo thông tin về EVFTA trên website Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI theo link sau:

<https://trungtamwto.vn/fta/199-viet-nam--eu-evfaata/1>

(Trungtamwto.vn > FTA > Việt Nam – EU (EVFTA))

Các văn bản thực thi EVFTA của Việt Nam trong năm 2020

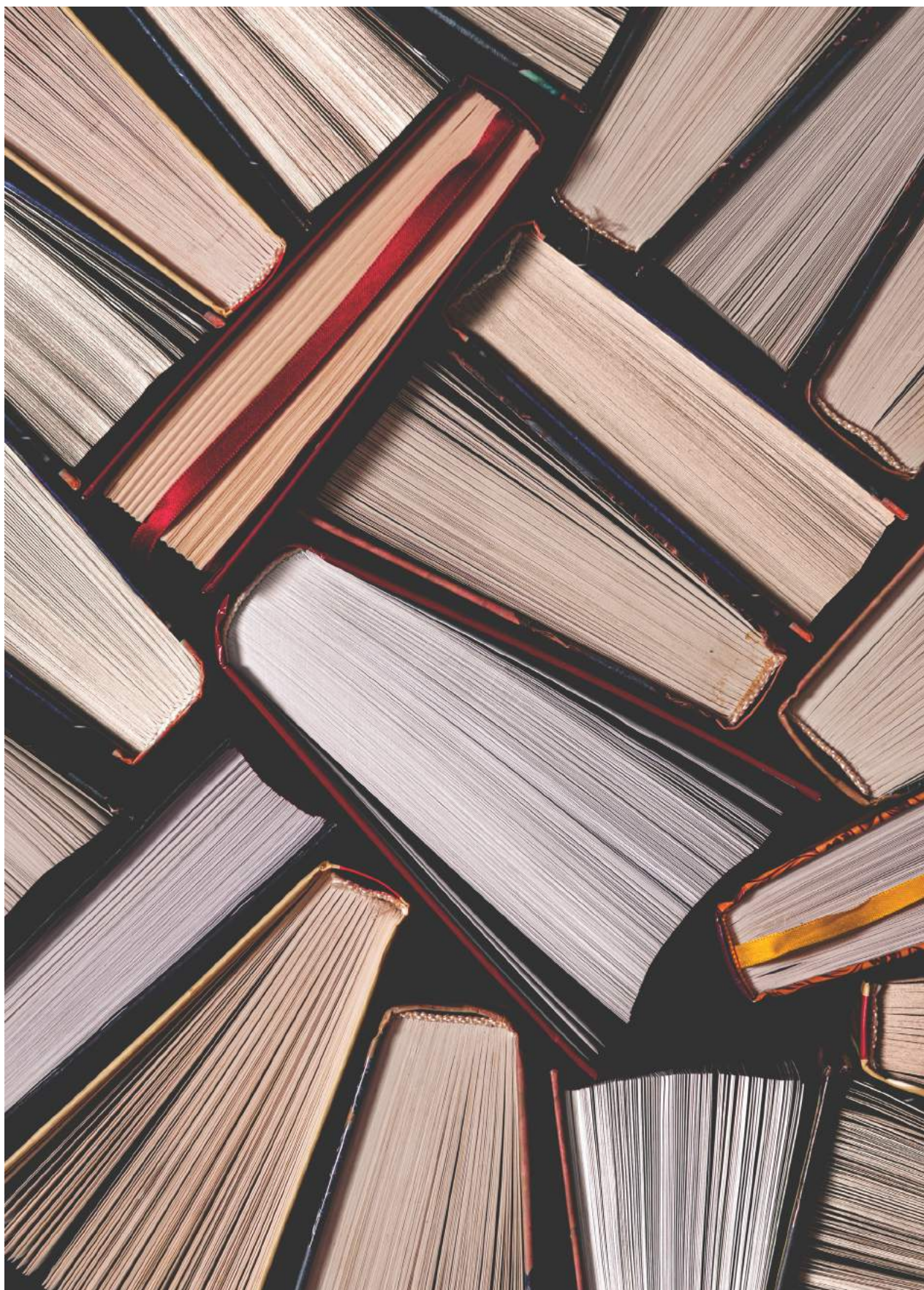
1. Nghị quyết số 102/2020/QH14 Phê chuẩn Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA)
2. Quyết định 1201/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định EVFTA
3. Quyết định 1175/QĐ-TTg chỉ định các cơ quan đầu mối để triển khai thực hiện Hiệp định EVFTA
4. Thông tư 11/2020/TT-BCT quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA
5. Quyết định 1949/QĐ-BCT đính chính Thông tư số 11/2020/TT-BCT quy định quy tắc xuất xứ hàng hoá trong EVFTA
6. Công văn 5079/TCHQ-GSQL triển khai thực hiện Điều 4.11 Hiệp định EVFTA
7. Công văn 812/XNK-XXHH hướng dẫn về chứng từ chứng nhận xuất xứ trong EVFTA
8. Nghị định 103/2020/NĐ-CP quy định về chứng nhận chứng gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu
9. Nghị định 102/2020/NĐ-CP quy định về Hệ thống bảo đảm gỡ hợp pháp Việt Nam
10. Nghị định 111/NĐ-CP về Biểu thuế xuất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định EVFTA giai đoạn 2020 – 2022
11. Thông tư số 30/2020/TT-BCT hướng dẫn thực hiện EVFTA về Phòng vệ thương mại

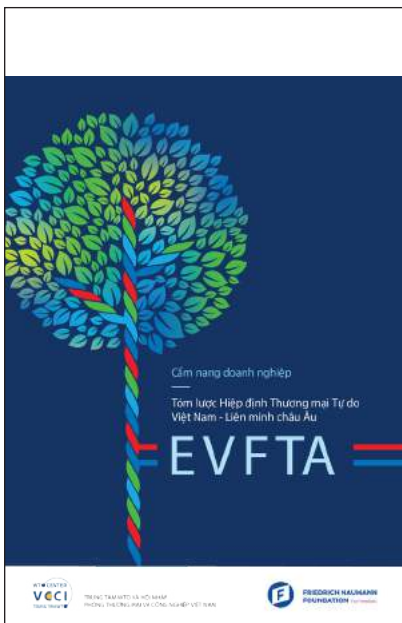
Việt Nam và Hàn Quốc đã ký thỏa thuận cộng gộp xuất xứ với hàng dệt may trong EVFTA

Ngày 10-11/12/2020, Việt Nam và Hàn Quốc đã ký kết Thư trao đổi giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Hàn Quốc để triển khai điều khoản cộng gộp xuất xứ nguyên liệu dệt may trong Hiệp định EVFTA.

Thỏa thuận này cho phép hàng dệt may xuất khẩu từ Việt Nam được cộng gộp hàm lượng xuất xứ của nguyên vật liệu nhập khẩu từ Hàn Quốc (quốc gia đã có FTA với EU) khi làm chứng nhận xuất xứ EVFTA nhằm được hưởng ưu đãi thuế quan trong Hiệp định. Từ đó, doanh nghiệp dệt may Việt Nam có thể tận dụng nguồn nguyên liệu chất lượng cao từ Hàn Quốc để phát triển sản xuất, xuất khẩu sang thị trường các nước EU.







Cẩm nang Doanh nghiệp:

TÓM LƯỢC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – LIÊN MINH CHÂU ÂU (EVFTA)

Văn kiện đầy đủ của EVFTA bao gồm 17 Chương, 02 Nghị định thư, 02 Biên bản ghi nhớ, và 04 Tuyên bố chung. Các cam kết trong Hiệp định được đánh giá là rất phức tạp cả về nội dung lẫn cách thức trình bày. Vì vậy, việc tìm hiểu và tận dụng những cam kết này là thách thức lớn với các doanh nghiệp Việt Nam.

Để hỗ trợ doanh nghiệp tìm hiểu về EVFTA, qua đó chuẩn bị tốt nhất cho việc tận dụng cơ hội từ Hiệp định này, Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã tiến hành biên soạn cuốn **Cẩm nang doanh nghiệp "Tóm lược EVFTA"** với phần tóm tắt các nội dung cốt lõi của EVFTA, diễn giải các cam kết theo cách thức ngắn gọn, dễ hiểu, với các đánh giá ban đầu về các tác động tới doanh nghiệp, cùng các lưu ý doanh nghiệp về những vấn đề cần quan tâm nhất, các vấn đề cần chuẩn bị tập trung nhất, để hỗ trợ doanh nghiệp thực thi hiệu quả Hiệp định này.

Ấn phẩm này được giới thiệu tại mục Ấn phẩm của Cổng thông tin WTO và Hội nhập: www.trungtamwto.vn

<https://trungtamwto.vn/an-pham/16263-cam-nang-doanh-nghiep-tom-luoc-hiep-dinh-thuong-mai-tu-do-viet-nam--lien-minh-chau-au-evfta>



CHÍNH THỨC KÝ HIỆP ĐỊNH QUY MÔ LỚN NHẤT THẾ GIỚI - RCEP

Ngày 15/11/2020, trong khuôn khổ Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 tại Việt Nam, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đã chính thức được ký kết theo hình thức trực tuyến. Sự kiện này đã mở ra một khu vực thương mại tự do có quy mô lớn nhất thế giới, với tổng GDP bằng khoảng 30% GDP toàn cầu, và một thị trường với 1/3 dân số thế giới.

RCEP là hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa ASEAN và 5 đối tác là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia và New Zealand. Đàm phán RCEP bắt đầu từ đầu năm 2012, ban đầu còn có cả sự tham gia của Ấn Độ nhưng sau đó vì nhiều lý do Ấn Độ đã tuyên bố rút khỏi RCEP vào tháng 11/2019. Hiệp định sẽ chỉ có hiệu lực khi được thông qua bởi ít nhất 6 nước thành viên ASEAN và 3 nước thành viên không thuộc ASEAN.

RCEP bao gồm 20 Chương và 04 Phụ lục, bao trùm cả lĩnh vực truyền thống như thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và những khía cạnh quy tắc và thể chế đặc trưng của các FTA thế hệ mới như cạnh tranh, thương mại điện tử, doanh nghiệp nhỏ và vừa...

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 vẫn đang diễn biến phức tạp ở nhiều nước thành viên, xu hướng bảo hộ thương mại vẫn tiếp tục nóng ở nhiều điểm trên thế giới, việc ký kết RCEP được xem là tuyên ngôn mạnh mẽ của các thành viên Khối này về tự do hóa thương mại và hợp tác cùng phát triển. Cùng với đó, các nỗ lực của Việt Nam với vai trò là nước Chủ tịch ASEAN 2020 kiên định thúc đẩy ký kết RCEP cũng được các đối tác và cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao.

Những cơ hội thương mại và đầu tư mà RCEP hứa hẹn mang lại cho các thành viên, trong đó có Việt Nam là rất đáng kể. Mặc dù vậy, Việt Nam cũng đứng trước những thách thức lớn khi Hiệp định này có hiệu lực.

Những cơ hội nhiều ý nghĩa

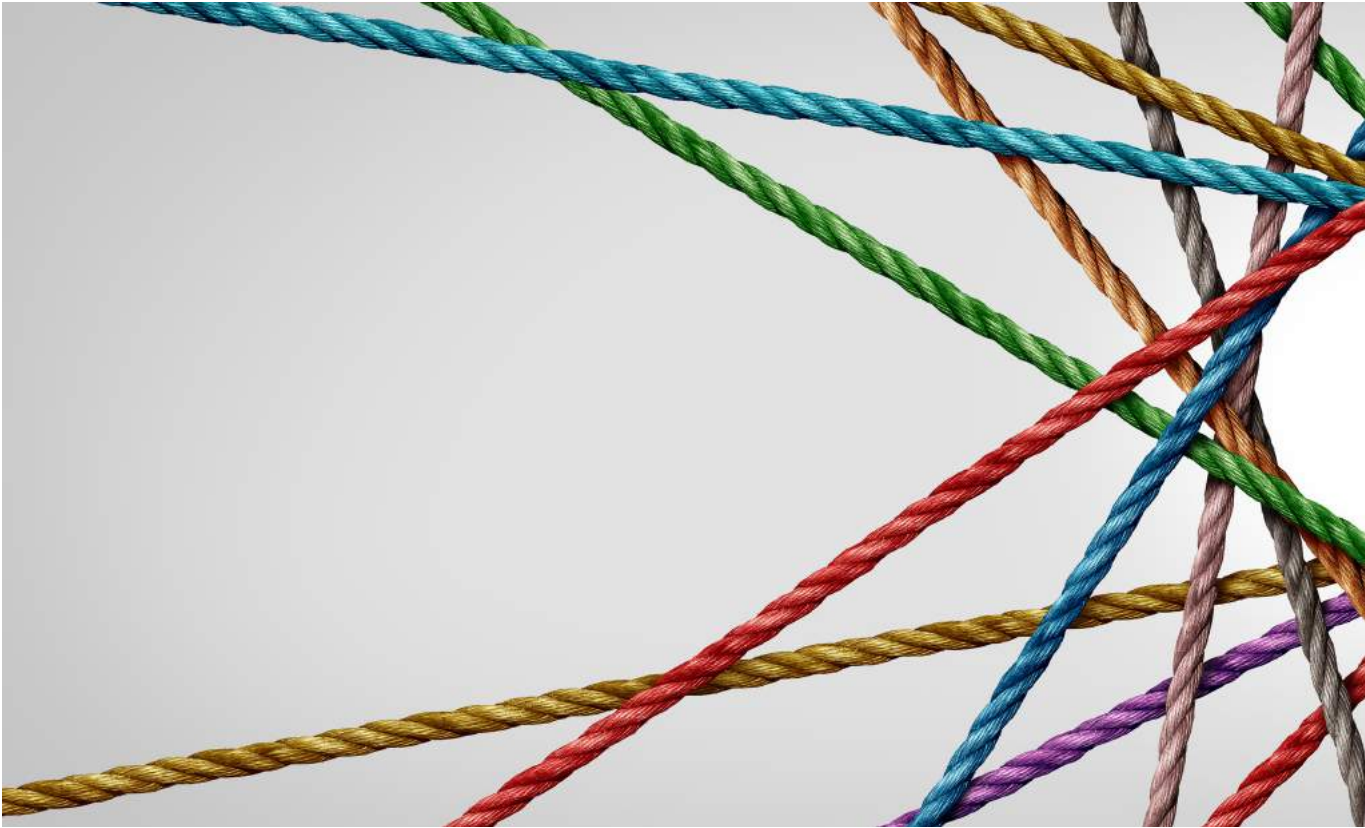
Từ góc độ xuất khẩu, lợi ích được kỳ vọng xuất phát chủ yếu từ khả năng hài hòa quy tắc xuất xứ trong nội khối của Hiệp định này. Đây là điều mà các FTA riêng lẻ hiện có giữa Việt Nam với các đối tác RCEP không thể có được. Năm 2019, tính trung bình 05 FTA hiện có giữa các nước RCEP, tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan mới chỉ chưa đầy 32% tổng kim ngạch xuất khẩu. Nay RCEP bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, ASEAN..., những nước vốn là nguồn cung nguyên liệu chủ yếu và cũng là nguồn đầu ra quan trọng cho nhiều loại hàng hóa xuất khẩu của chúng ta, quy tắc xuất xứ nội khối của Hiệp định này giúp hàng hóa xuất khẩu Việt Nam có thể dễ dàng nắm bắt cơ hội hưởng ưu đãi thuế quan RCEP.

Ví dụ trước đây muốn hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, hàng dệt may của chúng ta phải đáp ứng quy tắc xuất xứ theo AJCEP, VJEPA hay CPTPP. Mà cả ba FTA này đều không có thành viên là Trung Quốc, Hàn Quốc, cho nên hàng dệt may với phần lớn nguyên phụ liệu nhập khẩu từ hai nước này sẽ không được hưởng ưu đãi thuế khi xuất sang Nhật. Nhưng trong RCEP, với thành viên là các nguồn cung nguyên phụ liệu chủ yếu của Việt Nam, chúng ta có thể tận dụng ưu đãi thuế quan cho hàng dệt may trong RCEP để xuất khẩu đi tất cả các thị trường RCEP trong đó có Nhật Bản.

Bên cạnh quy tắc xuất xứ, RCEP còn có các cam kết liên quan tới các vấn đề về hải quan và tạo thuận lợi thương mại, hàng rào kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng vệ thương mại... Với việc các nước RCEP thống nhất thực hiện các cam kết này, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ được kỳ vọng sẽ thuận lợi hơn, trên một mặt bằng chung hài hòa, từ đó có nhiều điều kiện để tăng trưởng.

Sự hài hòa và thống nhất về nguồn gốc hàng hóa trong RCEP cũng mở ra cơ hội đặc biệt có ý nghĩa liên kết sản xuất giữa các nền kinh tế trong khu vực này. Trên thực tế, RCEP là khu vực trọng điểm của nhiều chuỗi giá trị toàn cầu, với sự có mặt của các đối tác nắm giữ vai trò trọng yếu trong các chuỗi này như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... Tham gia vào khu vực hài hòa của RCEP, doanh nghiệp Việt Nam sẽ có thêm cơ hội đáng kể để tham gia sâu hơn, hiệu quả và thực chất hơn vào các chuỗi cung ứng này.



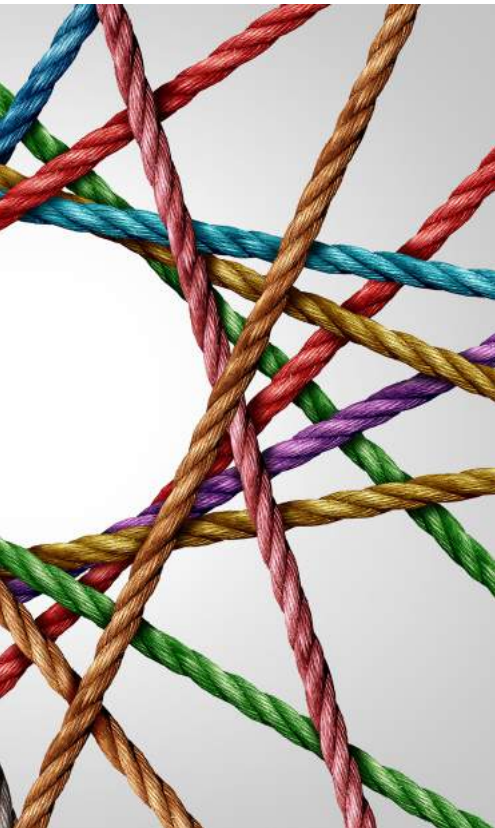


Từ góc độ mở cửa cho dịch vụ, đầu tư, so với mức cam kết trong các FTA riêng lẻ đang có giữa các đối tác RCEP, Hiệp định mới này không chỉ có cam kết toàn diện hơn (bao trùm hầu khắp các lĩnh vực dịch vụ, đầu tư) mà còn có phương pháp tiếp cận hiện đại hơn hẳn (phương pháp mở cửa kiểu “chọn-bỏ”, nguyên tắc “chỉ tiến không lùi” ...).

Từ góc độ thể chế trong nước, mặc dù không có tiêu chuẩn cao như CPTPP hay EVFTA do những khác biệt lớn giữa các thành viên, RCEP cũng vẫn đạt được những bước tiến quan trọng trong hài hòa hóa các tiêu chuẩn về thể chế, qua đó tạo sự thống nhất tương đối trong khu vực, phù hợp với trình độ phát triển khác nhau của từng nước thành viên.

Cụ thể, các quy tắc thống nhất về bảo hộ đầu tư, mua sắm công, sở hữu trí tuệ, tài chính, thương mại điện tử, cạnh tranh... theo hướng minh bạch và có thể dự đoán trước lần đầu tiên đạt được trong khu vực RCEP hứa hẹn sẽ tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam làm ăn kinh doanh ở các thị trường này.

Đặc biệt, với thực tế là các nguồn đầu tư nước ngoài lớn nhất của Việt Nam hiện nay (Singapore, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc...) đều nằm trong khu vực RCEP, bằng sự hấp dẫn về thương mại và kinh doanh mở ra từ RCEP như nói ở trên, Hiệp định được kỳ vọng sẽ mở ra những cơ hội mới về thu hút đầu tư nước ngoài, từ các nước thành viên RCEP và cả từ các quốc gia khác. Với vị trí địa lý gần Trung Quốc, kết nối tạo ra từ RCEP có thể giúp Việt Nam có thêm lợi thế trong thu hút dòng đầu tư chuyển dịch theo xu hướng đa dạng hóa sản xuất trong bối cảnh COVID-19.



Những thách thức không nhỏ

Từ góc độ vĩ mô, gia tăng nhập siêu từ RCEP là lo ngại lớn được nhiều chuyên gia đặt ra khi Hiệp định này được ký kết.

Với thành viên là những nước đứng đầu trong danh sách nguồn nhập siêu vào Việt Nam như Trung Quốc, Hàn Quốc, ASEAN, RCEP có thể sẽ là cú hích cho dòng nhập khẩu tăng cường từ các nước này. Đây sẽ là thách thức đối với mục tiêu duy trì tăng trưởng xuất siêu trong liên tục nhiều năm gần đây của Việt Nam.

Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng nếu đa phần nhập khẩu từ RCEP tiếp tục là các mặt hàng trung gian phục vụ sản xuất và xuất khẩu như trong những năm qua thì có thể trong tổng thể cán cân xuất nhập cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng, giảm bớt nguy cơ nhập siêu trầm trọng.

Với các doanh nghiệp, sức ép cạnh tranh dường như là nguy cơ lớn nhất từ RCEP, với cả các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh ở trong nước lẫn doanh nghiệp xuất khẩu.

Ở thị trường trong nước, sức ép này gia tăng cùng với việc hàng hóa từ các đối tác RCEP có thêm một con đường ưu tiên để tiếp cận thị trường và người tiêu dùng Việt Nam. Cần nhấn mạnh rằng đa số các đối tác RCEP có cơ cấu hàng hóa tương đồng với chúng ta trong khi năng lực cạnh tranh, đặc biệt là về giá, của họ trong không ít trường hợp là trội hơn đáng kể so với doanh nghiệp Việt.

Ở thị trường nước ngoài, cạnh tranh cũng sẽ gay gắt hơn sau RCEP khi một số thị trường, ví dụ Nhật Bản, sẽ dành ưu đãi theo Hiệp định cho những đối tác mới trong RCEP. Trước RCEP, Trung Quốc chưa có FTA nào với Nhật Bản trong khi Việt Nam có tới 03 FTA với nước này. Như vậy sau RCEP, hàng Trung Quốc sẽ được hưởng ưu đãi ở Nhật Bản, do đó hàng hóa Việt Nam cũng sẽ phải chịu cạnh tranh gay gắt hơn ở thị trường Việt Nam với nước này. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu mặc dù được dự báo là sẽ có lợi thế trong RCEP nhưng cũng phải sẵn sàng chuẩn bị cho tình huống cạnh tranh mới này.

Từ góc độ thu hút đầu tư nước ngoài, cùng với kỳ vọng gia tăng nguồn vốn đầu tư từ các nước RCEP, nguy cơ dòng đầu tư kém chất lượng, công nghệ lạc hậu, đầu tư trá hình và gian lận thương mại chảy vào Việt Nam cũng sẽ gia tăng. Điều này đặt Việt Nam trước thách thức kiểm soát và lựa chọn đầu tư, ngăn chặn tình trạng "chạy đua xuống đáy" trong thu hút đầu tư nước ngoài giữa các địa phương.

Tóm lại, lợi ích từ sự thống nhất và tự do hóa lần đầu tiên có được giữa 15 nền kinh tế thông qua RCEP được kỳ vọng là rất đáng kể, cho các thành viên RCEP nói chung và cho Việt Nam nói riêng. Song hành cùng cơ hội, thách thức đặt ra từ RCEP cũng lớn hơn, phức tạp hơn so các FTA đang có. Doanh nghiệp và cả nền kinh tế có nhiều việc phải làm để hiện thực hóa các cơ hội kỳ vọng và đối mặt hiệu quả trước các thách thức này. ■

VIỆT NAM VÀ ANH KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

Ngày 29/12/2020, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) đã chính thức được ký kết, chỉ sau hơn 2 tuần từ khi hoàn tất đàm phán Hiệp định vào ngày 11/12/2020. Hiệp định này sẽ giúp Việt Nam duy trì quan hệ thương mại với Anh sau khi nước này chính thức rời khỏi EU vào 31/12/2020 (tiến trình Brexit), hỗ trợ hai nước phục hồi kinh tế sau COVID-19.

Hiệp định UKVFTA có hiệu lực tạm thời từ 23h tối 31/12/2020 giờ GMT (tức 6h sáng ngày 01/01/2021 theo giờ Việt Nam). Hai Bên đang tiếp tục tiến hành các thủ tục trong nước để Hiệp định chính thức có hiệu lực, dự kiến trong năm 2021.

UKVFTA được đàm phán và hoàn tất dựa trên nền tảng các cam kết đã đồng thuận trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) – một Hiệp định vốn đã hoàn tất khi Anh chưa ra khỏi Liên minh châu Âu. Về cơ bản, gần như toàn bộ các cam kết cơ bản về thương mại hàng hóa, dịch vụ và mở cửa đầu tư trong EVFTA vẫn được tiếp tục duy trì trong UKVFTA, có bổ sung thêm một số điều chỉnh phù hợp với quan hệ thương mại song phương giữa Việt Nam và Anh. Theo đó, Hiệp định gồm 9 điều khoản; 01 Phụ lục sửa đổi một số điều của lời văn EVFTA; 01 thư song phương trao đổi giữa Việt Nam và Anh; 01 Nghị định thư về quy tắc xuất xứ, và 02 Bản Chú giải.

Những mặt hàng được ưu đãi thuế quan nhiều nhất từ UKVFTA bao gồm dệt may, đồ gỗ, thủy sản, rau quả và gạo.

Bên cạnh việc được hưởng ưu đãi thuế quan từ UKVFTA, doanh nghiệp Việt Nam vẫn tiếp tục được hưởng thuế quan ưu đãi GSP từ Anh nếu xuất trình C/O mẫu A theo đúng quy định. Với trường hợp các chứng từ liên quan tới xuất xứ hàng hóa theo cơ chế REX (cơ chế tự chứng nhận hàng hóa của EU), Anh chỉ chấp nhận các chứng từ được phát hành trước ngày 01/01/2021 áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu trong vòng 12 tháng kể từ 31/12/2020.

Được xúc tiến đàm phán và hoàn tất trong khoảng thời gian ngắn, UKVFTA là một Hiệp định rất kịp thời, đảm bảo thông suốt cho hoạt động thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Anh sau khi ưu đãi từ EVFTA không còn áp dụng với Anh sau khi kết thúc giai đoạn chuyển tiếp Brexit ngày 31/12/2020. Hiệp định này là nền tảng cho các hoạt động hợp tác thương mại – đầu tư ổn định và hiệu quả giữa hai Bên trong giai đoạn mới sau khi Anh hoàn toàn tách khỏi EU.



*Doanh nghiệp có thể tham khảo thông tin về UKVFTA trên website Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI theo link sau:
<https://trungtamwto.vn/fta/433-viet-nam--vuong-quoc-anh-ukvfta/>*

(Trungtamwto.vn > FTA > Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA))

*Văn kiện Hiệp định UKVFTA:
<https://trungtamwto.vn/tin-tuc/16830-van-kien-hiep-dinh-ukvfta>*



Anh hiện đang là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam trong khu vực châu Âu. Năm 2019, tổng kim ngạch thương mại song phương đạt trị giá 6,6 tỷ USD, với thặng dư xuất nhập khẩu cho Việt Nam lên tới 5 tỷ USD. Trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa 700 tỷ USD năm 2019 của Anh, nhập khẩu từ Việt Nam chiếm chưa đầy 1%. Rõ ràng dư địa phát triển và tăng xuất khẩu của Việt Nam vào Anh là rất rộng. Từ 2011 đến 2019, tăng trưởng trung bình kim ngạch thương mại hai Bên là 12,1%/năm, cao hơn mức trung bình 10%/năm tăng trưởng xuất nhập khẩu của Việt Nam với thế giới. Các sản phẩm xuất khẩu chính từ Việt Nam sang Anh là điện thoại, linh kiện, dệt may, giày dép, thủy sản, gỗ...; còn các sản phẩm nhập khẩu chính vào Việt Nam từ Anh bao gồm máy móc, dược phẩm, sắt thép, hóa chất...■



CPTPP HẤP DẪN TRONG MẮT NHIỀU ĐỐI TÁC

Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã đi vào thực thi được gần 02 năm và đã phần nào thể hiện hiệu quả trong việc hỗ trợ thúc đẩy kinh tế các nước thành viên. Trong bối cảnh các nền kinh tế đang nỗ lực mở rộng phạm vi hợp tác thương mại của mình để ứng phó với suy thoái kinh tế từ COVID-19, CPTPP nổi lên như một lựa chọn đầy hấp dẫn. Những nền kinh tế như Trung Quốc, Hàn Quốc, Anh, Đài Loan... đều đang bày tỏ ý định muốn gia nhập Hiệp định này.

Vào đầu tháng 09/2020, trong một nỗ lực cân bằng kinh tế và ngoại giao với các quốc gia ngoài EU sau Brexit, Anh đã tiến hành thảo luận với 11 nước thành viên CPTPP về việc gia nhập Hiệp định. Chỉ 02 tháng sau, ngay khi vừa ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) cuối tháng 11/2020, Trung Quốc và Hàn Quốc cũng đề cập đến việc xem xét gia nhập CPTPP như một phương thức mở rộng mạng lưới thương mại đa phương của mình. Ngày 13/12 vừa qua, Đài Loan cũng thông báo mong muốn nộp đơn xin gia nhập CPTPP, tuy vẫn chưa đưa ra khung thời gian cụ thể do chưa hoàn tất quá trình tham vấn với các nước thành viên Hiệp định.

Theo quy định trong CPTPP, các ứng viên muốn gia nhập Hiệp định cần phải đạt được những tiêu chuẩn sau: (i) Làm rõ cách thức mà ứng viên đó sử dụng để tuân thủ đầy đủ quy định hiện hành của CPTPP; và (ii) Đưa ra bản chào mở cửa thị trường có mức độ cao nhất trong các lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, dịch vụ tài chính, mua sắm chính phủ, doanh nghiệp nhà nước và nhập cảnh tạm thời của khách kinh doanh, được định hướng bởi những cam kết đã đi vào thực thi trong Hiệp định CPTPP gốc.

Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực tại Việt Nam từ 14/01/2019 sau khi đã có hiệu lực từ 30/12/2018 ở 6 nước thành viên khác là Canada, Mexico, Nhật Bản, Singapore, Australia và New Zealand. Sau thành viên thứ 7 là Việt Nam, vẫn chưa có thêm nước thành viên nào trong số 4 thành viên ký CPTPP còn lại (Malaysia, Brunei, Chile, Peru) thông qua Hiệp định này.

Trong năm đầu thực thi CPTPP, Việt Nam đạt kết quả xuất siêu 1,6 tỷ USD sang các nước thành viên, tăng đáng kể so với con số 0,9 tỷ USD nhập siêu năm 2018. Năm 2019, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam sang 06 nước đã phê chuẩn CPTPP là 34,4 tỷ USD, tăng 8,2% so với năm 2018. Những kết quả bước đầu cho thấy CPTPP đã có ảnh hưởng tích cực đến tiến trình cơ cấu lại thị trường xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt, đóng góp vào chặng đường phát triển kinh tế qua hội nhập của Việt Nam. ■



Quy trình gia nhập Hiệp định CPTPP

Bước 1: Thông báo muốn gia nhập Hiệp định

- Trước khi nộp đơn gia nhập, ứng viên được khuyến khích tiến hành trao đổi không chính thức với 11 nước thành viên đã ký kết CPTPP về mong muốn gia nhập Hiệp định.
- Ứng viên thông báo Yêu cầu gia nhập chính thức với New Zealand – nước lưu chiếu để bắt đầu quá trình đàm phán gia nhập CPTPP.
- New Zealand xác nhận đã nhận được Yêu cầu gia nhập của ứng viên, và chia sẻ bản yêu cầu đến các nước thành viên CPTPP.

Bước 2: Bắt đầu Quy trình kết nạp

- Hội đồng CPTPP công bố quyết định bắt đầu quy trình kết nạp.
- Ứng viên được khuyến khích tiến hành tham vấn với từng nước thành viên CPTPP về những lĩnh vực hai Bên quan tâm (buổi tham vấn không thuộc quy trình đàm phán).
- Thành lập một Nhóm Công tác về Gia nhập tiến hành đàm phán với ứng viên.

Bước 3: Thành lập Nhóm Công tác về Gia nhập

- Nhóm Công tác về Gia nhập sẽ bao gồm các đại diện chính phủ của mỗi nước thành viên CPTPP. Chủ tịch của Nhóm Công tác về Gia nhập sẽ được chỉ định trên cơ sở đồng thuận.
- Hội đồng sẽ đưa ra quyết định về việc thành lập Nhóm Công tác về Gia nhập riêng biệt cho từng ứng viên muốn tham gia CPTPP, hoặc gộp thành một Nhóm Công tác chung về Gia nhập. Nhóm Công tác có thể xin chỉ đạo của Hội đồng.
- Trong cuộc họp đầu tiên của Nhóm Công tác, ứng viên cần thể hiện các nỗ lực tính đến hiện tại, cùng các thay đổi cần thiết với hệ thống pháp luật nội địa để thực thi các cam kết trong CPTPP.



- Trong vòng 30 ngày từ cuộc họp đầu tiên, ứng viên gửi bản chào mở cửa thị trường/các biện pháp không tương thích cho Nhóm Công tác. Nếu bản chào được chấp thuận, các nước thành viên CPTPP sẽ xác nhận hoặc nộp cam kết tương ứng của mình đối với ứng viên.
- Ứng viên đàm phán về các bản chào và chứng minh năng lực thực thi thông qua Nhóm Công tác hoặc hình thức song phương (nếu phù hợp).
- Sau khi hoàn tất đàm phán, Nhóm Công tác nộp báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng về các điều khoản và điều kiện đối với ứng viên muốn gia nhập CPTPP.

Bước 4: Chấp thuận của Hội đồng

- Hội đồng đưa ra quyết định chấp thuận ứng viên gia nhập vào CPTPP dựa trên cơ sở đồng thuận trong Nhóm Công tác.
- Chủ tịch Hội đồng chính thức gửi thư cho ứng viên thông báo về quyết định trên.
- Ứng viên sẽ có 06 tháng (có thể gia hạn theo thỏa thuận) để nộp văn kiện xin gia nhập cho Cơ quan lưu chiểu sau khi hoàn tất thủ tục pháp lý trong nước.
- Các nước thành viên thông báo cho Cơ quan lưu chiểu sau khi hoàn tất thủ tục pháp lý cần thiết chấp thuận ứng viên mới tham gia Hiệp định CPTPP.
- Ứng viên sẽ trở thành thành viên CPTPP sau 60 ngày kể từ (i) ngày ứng viên nộp văn kiện thông báo chấp nhận các điều khoản và điều kiện gia nhập; hoặc (ii) ngày mà tất cả nước thành viên CPTPP đã thông báo với nước lưu chiểu bằng văn bản về việc đã hoàn tất thủ tục pháp lý trong nước tương ứng, tùy theo thời gian nào đến sau.

Nguồn: "Quyết định về Quy trình, thủ tục và điều kiện xem xét, kết nạp đối với các nước thành viên mới" trong Phiên họp thứ nhất của Hội đồng CPTPP ngày 19/01/2019 tại Tokyo, Nhật Bản





HỆ THỐNG QUÁ CẢNH HẢI QUAN ASEAN (ACTS) CHÍNH THỨC VẬN HÀNH

Từ ngày 30/11/2020, Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN (ACTS) chính thức được đưa vào sử dụng, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại qua biên giới của doanh nghiệp trong khối ASEAN. Đây là bước tiến mới của ASEAN trong việc thực thi Nghị định thư 7 – Hệ thống quá cảnh hải quan thuộc Hiệp định khung ASEAN về tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh (AFAFGIT).

Mục tiêu của Hệ thống ACTS là đơn giản hóa thủ tục nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động vận chuyển hàng hóa qua biên giới bằng đường bộ, thúc đẩy thương mại và giảm bớt rào cản cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu; từ đó xây dựng thị trường chung ASEAN ngày càng phát triển. Cụ thể, qua Hệ thống này, doanh nghiệp chỉ cần lập một tờ khai quá cảnh hải quan duy nhất khi cần vận chuyển hàng hóa qua nhiều quốc gia trong khu vực, tránh được việc phải làm tờ khai nhiều lần qua mỗi cửa khẩu. Hơn thế nữa, Hệ thống còn cho phép doanh nghiệp gửi tờ khai quá cảnh dưới dạng điện tử trực tiếp đến đơn vị hải quan của các nước ASEAN, và theo dõi hành trình vận chuyển từ lúc xếp hàng ở cảng đi đến lúc bàn giao hàng tại cảng đến. Nhờ vậy, quá trình thông quan được cải thiện, rút gọn quy trình vận chuyển, tiết kiệm thời gian và chi phí logistics cho hoạt động xuất nhập khẩu, đem lại lợi ích cho doanh nghiệp và người dân trong khu vực ASEAN.

Tuy hiện tại mới triển khai hỗ trợ vận tải đường bộ, nhưng Hệ thống ACTS được dự kiến sẽ sớm phát triển áp dụng vào vận tải đa phương thức bao gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, và kết nối thêm với đường hàng không và đường biển dưới hình thức khai báo thông tin trước khi đến.

Được hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ phía EU, Hệ thống ACTS hiện đang được vận hành bởi Đội quản lý Trung tâm thường trực tại trụ sở Ban thư ký ASEAN (Indonesia), cùng với sự hỗ trợ của các bộ phận trợ giúp quốc gia và khu vực. Được đưa vào hoạt động trong bối cảnh thế giới đang vất vả chống COVID-19, Hệ thống ACTS được mong đợi sẽ trở thành công cụ hiệu quả hỗ trợ khôi phục kinh tế khu vực sau đại dịch. Thêm vào đó, Hệ thống sẽ tạo con đường thuận lợi để dễ dàng vận chuyển vật tư y tế, vaccine và các thiết bị bảo hộ cá nhân trong ASEAN, hỗ trợ chống dịch hiệu quả.

Hệ thống ACTS hiện đã được triển khai tại 6 nước ASEAN là Campuchia, Lào, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Việt Nam, dự kiến sẽ áp dụng tại Myanmar năm 2021, và tiếp tục được mở rộng tại các nước ASEAN còn lại trong tương lai tùy theo nhu cầu của từng nước. ■

Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định 46/2020/NĐ-CP quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN (ACTS) để thực hiện Nghị định thư 7 về Hệ thống quá cảnh Hải quan. Nghị định chính thức có hiệu lực từ 01/06/2020.

Theo quy định trong Nghị định, hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống ACTS giữa Việt Nam và khu vực ASEAN chỉ được đưa từ 03 cửa khẩu quốc tế bao gồm Cầu Treo (Hà Tĩnh), Lao Bảo (Quảng Trị), và Mộc Bài (Tây Ninh).

Doanh nghiệp có thể tra cứu Nghị định trên website của Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI theo link: <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/15254-nghi-dinh-so-462020nd-cp-quy-dinh-thu-tuc-hai-quan-kiem-tra-giam-sat-hai-quan-doi-voi-hang-hoa-qua-can-thong-qua-he-thong-qua-can-hai-quan-asean-de-thuc-hien-nghi-dinh-thu-7-ve-he-thong-qua-can-hai-quan>

ASEAN đã ra mắt một website hướng dẫn chi tiết về Hệ thống quá cảnh hải quan ASEAN (ACTS), chi tiết tham khảo: <https://acts.asean.org/>





CƯỚC TÀU BIỂN TĂNG CAO, THIẾU CONTAINER DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU GẶP KHÓ

Dịp cuối năm thường là thời điểm “vào mùa” xuất khẩu của Việt Nam khi doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ cung ứng hàng hóa đáp ứng nhu cầu tăng cao của các thị trường chính trong dịp Giáng sinh và Năm mới. Tuy nhiên, trong vài tháng gần đây, tình hình vận chuyển của doanh nghiệp xuất nhập khẩu gặp nhiều khó khăn do giá cước tàu biển tăng cao và thiếu hụt container. Tình hình này nếu còn tiếp diễn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2021.

Doanh nghiệp chịu lỗ do cước vận tải biển tăng cao

So với tháng 10/2020, chi phí vận chuyển vào các thị trường liên tục tăng cao, cụ thể là Nhật (tăng 13%), Mỹ (tăng 17-23%), đặc biệt là châu Âu (tăng tới 217%). Tình trạng này khiến cho nhiều doanh nghiệp lỡ ký hợp đồng bị lỗ nặng, buộc phải hủy đơn hàng và chịu phạt hợp đồng, hoặc tìm cách đàm phán lại để bù đắp cho chi phí tăng phát sinh.

Nguyên nhân chính được cho là do COVID-19 làm hạn chế vận chuyển hàng không, nhu cầu vận tải đường biển tăng vọt, trong khi các hãng tàu giảm bớt lượng tàu vận chuyển và thu thêm phí do ảnh hưởng dịch.

Doanh nghiệp bị “vỡ kế hoạch” do thiếu container rỗng

Cùng với cước phí tăng cao, tình trạng thiếu container rỗng khiến doanh nghiệp xuất khẩu đã khó lại càng khó. Trong 3 tháng gần đây, hầu hết các hãng tàu liên tục thông báo tăng giá thuê container chờ hàng xuất khẩu lên gấp 2 – 10 lần so với thời điểm trước tháng 10/2020 (tùy theo từng chặng).

Nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng này. Châu Á phần nào ứng phó dịch bệnh hiệu quả hơn nên gia tăng xuất khẩu, trong khi luồng hàng theo chiều ngược lại từ các khu vực châu Mỹ, châu Âu lại rất hạn chế, các container rỗng vì vậy bị ùn ứ ở các cảng biển khu vực này. Bên cạnh đó, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất thế giới nên các hãng tàu thường ưu tiên tập trung container cho thị trường này trước. Thêm nữa, các nhà xuất khẩu Trung Quốc thường sẵn sàng trả mức giá cao hơn để có container xuất được hàng; và doanh nghiệp Việt Nam cũng như nhiều nước khác thường không đủ khả năng cạnh tranh với họ. Ngoài ra, xuất khẩu Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào các hãng tàu nước ngoài cũng là một nguyên nhân dẫn đến việc thiếu chủ động trong tình trạng thiếu container rỗng.

Nhiều doanh nghiệp phải giảm bớt 50-70% lượng hàng xuất khẩu dự kiến của mình do không thể đăng ký được container rỗng để vận chuyển được. Tình trạng này đã kéo dài vài tháng và có xu hướng sẽ tiếp diễn trong thời gian tới do tình hình dịch COVID-19 vẫn đang phức tạp ở nhiều thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam.

Theo một khảo sát của Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam (VLA), có tới 40% doanh nghiệp xuất nhập khẩu đang gặp khó khăn khi đến nhận container rỗng tại các bãi tập kết container, 43% doanh nghiệp cho rằng hãng tàu đang cho thuê container rỗng vượt số lượng sẵn có, và 17% doanh nghiệp thậm chí chưa thể tiếp cận hãng tàu để thuê được container rỗng.







Việc khó xuất khẩu cũng khiến doanh nghiệp bị mất uy tín, mất các mối khách hàng quen thuộc. Khi doanh nghiệp không thể liên hệ container giao kịp hợp đồng, hay không thể xuất khẩu do mức giá tăng do phí vận chuyển quá cao, các khách hàng có thể chuyển hướng sang những thị trường khác giao hàng kịp thời và có mức giá cạnh tranh hơn.

Khó khăn do thiếu container rỗng không chỉ dừng lại ở thiệt hại cho doanh nghiệp xuất khẩu. Ví dụ với nông sản, khó xuất khẩu khiến doanh nghiệp ngần ngại trong việc mua hàng từ nông dân vì không đủ điều kiện lưu trữ, bảo quản. Điều này có thể dẫn đến nguy cơ giá nông sản giảm mạnh hoặc dư thừa, phải kêu gọi “giải cứu” ... Tình trạng có thể sẽ xấu hơn khi nhiều nông sản xuất khẩu thế mạnh của Việt Nam như như tiêu, cà phê, gạo... đang chuẩn bị bước vào vụ thu hoạch mới.

Theo Bộ Công Thương, tình hình thiếu container rỗng dự kiến sẽ còn kéo dài đến ít nhất là hết quý I/2020 do tình hình COVID-19 trên thế giới còn phức tạp. Hàng hóa xuất khẩu qua đường biển hiện đang chiếm 40-50% tổng khối lượng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Nếu tình hình này không được cải thiện hơn trong năm 2021, doanh nghiệp sẽ rất khó khăn trong việc phục hồi lại hoạt động kinh doanh sau COVID-19, trực tiếp làm ảnh hưởng đến tiến trình phát triển kinh tế của Việt Nam.

Trước tình hình này, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã có những biện pháp can thiệp nhất định như thúc giục các hãng tàu hoạt động tại Việt Nam tăng lượng dự trữ container rỗng (loại 40 feet) để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu, yêu cầu về minh bạch giá cước, giám sát tình hình...

Tuy nhiên, những biện pháp nói trên phần lớn vẫn chỉ mang tính tình thế. Đây có lẽ cũng là một hiện tượng cảnh báo tình trạng phụ thuộc của Việt Nam vào các hãng tàu nước ngoài, trở thành một rủi ro tiềm ẩn trong bối cảnh nước ta đang kỳ vọng vào xuất nhập khẩu như một động lực chính để phát triển kinh tế. ■



PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Công cụ bảo vệ ngành sản xuất nội địa trong bối cảnh hội nhập

Với 13 Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) có hiệu lực, mà gần đây nhất là FTA với EU (EVFTA), Việt Nam đã và đang mở cửa mạnh thị trường nội địa cho hàng hóa từ 51 nước đối tác FTA. Điều này biến Việt Nam trở thành một thị trường sôi động và hấp dẫn trong con mắt các nhà xuất khẩu nước ngoài. Trong khi đó, dưới tác động của COVID-19, nhu cầu tiêu thụ hàng hóa trên thế giới giảm bớt, nhưng nguồn cung vẫn duy trì dẫn đến tình trạng dòng hàng hóa sản xuất ra bị dư thừa. Xu hướng bảo hộ thương mại ở nhiều thị trường lớn trên thế giới cũng khiến luồng hàng xuất khẩu chuyển hướng đến những nền kinh tế mới, có tiềm năng tăng trưởng tốt như Việt Nam.

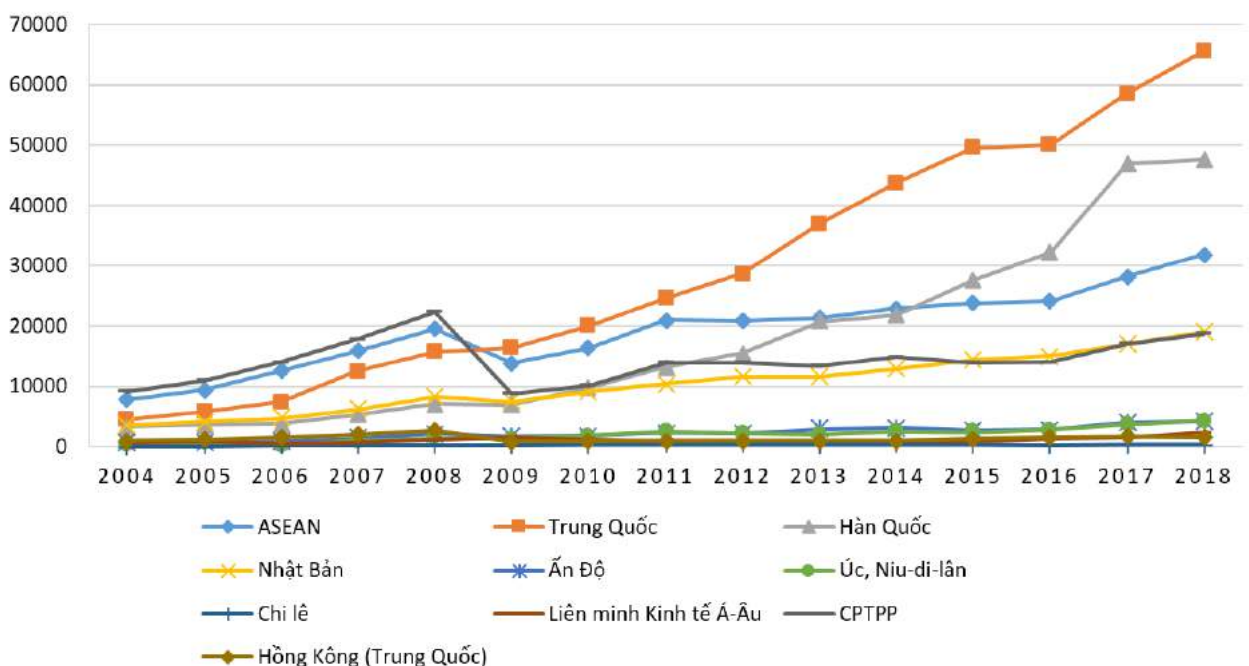
Trong bối cảnh như vậy, nguy cơ hàng nước ngoài nhập khẩu ồ ạt hoặc cạnh tranh không lành mạnh vào Việt Nam gây thiệt hại đáng kể hoặc nghiêm trọng cho các ngành sản xuất nội địa trở nên đậm nét hơn bao giờ hết. Phòng vệ thương mại (PVTM – bao gồm biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ) vì vậy đang trở thành công cụ đáng chú ý.

Thực tiễn thương mại quốc tế cho thấy ngày càng nhiều nước sử dụng công cụ PVTM như một cách thức hữu hiệu để ứng phó với tình trạng này. Bằng chứng là hàng hóa xuất khẩu từ các đối tác FTA của Việt Nam đang là đối tượng của ngày càng nhiều các vụ điều tra PVTM.

Trong vài năm gần đây, Việt Nam cũng dần sử dụng các công cụ PVTM thường xuyên hơn như một phương thức hỗ trợ doanh nghiệp nội địa để ứng phó với sự cạnh tranh tăng cao. Tính đến tháng 11/2020, Việt Nam đã tiến hành tổng cộng 13 vụ điều tra chống bán phá giá, 01 vụ điều tra chống trợ cấp và 06 vụ điều tra tự vệ. Các biện pháp phòng vệ thương mại được áp dụng đã phần nào bảo vệ được lợi ích một số ngành sản xuất trong nước (với giá trị đóng góp lên tới 6% tổng GDP năm 2019) và giúp nhiều doanh nghiệp Việt Nam vượt qua khó khăn, khủng hoảng. Bên cạnh đó, các biện pháp này cũng giúp làm giảm bớt rủi ro hàng hóa Việt Nam bị điều tra lẫn tránh biện pháp PVTM, giúp hàng hóa Việt Nam có uy tín tốt hơn trên thị trường quốc tế.

Diễn tiến kim ngạch nhập khẩu giai đoạn 2015 - 2018 từ các đối tác FTA của Việt Nam

(Nguồn: Bộ Tài chính)





Do đó, các ngành sản xuất Việt Nam được khuyến nghị chủ động sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại khi cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình trước hiện tượng hàng hóa nhập khẩu bán phá giá hoặc được trợ cấp để xuất khẩu vào Việt Nam gây thiệt hại đáng kể cho mình. Thậm chí, ngay cả khi hàng nhập khẩu cạnh tranh lành mạnh, nếu có thể chứng minh hàng nước ngoài đó được nhập khẩu ô ạt, gây thiệt hại nghiêm trọng, ngành sản xuất nội địa cũng có thể sử dụng công cụ PVTM này để bảo vệ lợi ích của mình.

Tuy nhiên, việc sử dụng các công cụ PVTM này không dễ dàng. Ngành sản xuất nội địa phải tập hợp được lực lượng đủ lớn, phải chứng minh được hành vi bán phá giá, trợ cấp hoặc nhập khẩu ô ạt của hàng hóa nước ngoài, đồng thời cũng phải chứng minh thiệt hại cụ thể của mình trước cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, doanh nghiệp không chỉ có hiểu biết về quy trình, các điều kiện mà còn phải đầu tư nguồn lực để theo đuổi vụ việc. ■

Thông tin các vụ kiện và biện pháp phòng vệ thương mại liên quan đến Việt Nam được cung cấp và tư vấn bởi Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI.

Website:

<https://chongbanphagia.vn/> (Tiếng Việt)

<https://antidumping.vn/> (Tiếng Anh)

Email: banthuky@trungtamwto.vn

Điện thoại: 024 3577 1458

Hệ thống cơ sở pháp lý về các biện pháp PVTM của Việt Nam

Hệ thống pháp luật quốc tế:

- Hiệp định GATT 1947
- 03 Hiệp định về các biện pháp phòng vệ thương mại:
 - + Hiệp định chống bán phá giá,
 - + Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng và
 - + Hiệp định về biện pháp tự vệ
- FTA: Quy định về nội dung PVTM tại các FTA

Hệ thống pháp luật Việt Nam:

- Luật Quản lý ngoại thương 2017– Chương IV về các biện pháp PVTM (Điều 67 - Điều 99)
- Nghị định 10/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLNT về các biện pháp phòng vệ thương mại
- Thông tư 37/2019/TT-BCT quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp PVTM
- Thông tư 19/2019/TT-BCT quy định về việc áp dụng các biện pháp tự vệ để thực thi Hiệp định EVFTA
- Thông tư 30/2020/TT-BCT hướng dẫn thực hiện EVFTA về Phòng vệ thương mại

Tháng 10/2020 vừa qua, Trung tâm WTO và Hội nhập - VCCI đã phối hợp với Cục Phòng vệ Thương mại – Bộ Công Thương tổ chức Hội thảo “Phòng vệ thương mại – Công cụ bảo vệ ngành sản xuất nội địa trong bối cảnh hội nhập” nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, hiệp hội tìm hiểu thông tin và góp ý các khung khổ chính sách pháp luật mới về PVTM ở Việt Nam.

Tài liệu Hội thảo được giới thiệu tại mục Sự kiện của Cổng thông tin WTO và Hội nhập: www.trungtamwto.vn

Link: <https://trungtamwto.vn/su-kien/16375-hoi-thao-phong-ve-thuong-mai--cong-cu-phong-ve-loi-ich-nganh-san-xuat-noi-dia-trong-boi-can-hoi-nhap>

Nguồn: Cục Phòng vệ Thương mại



**TỔNG HỢP DIỄN TIẾN CÁC VỤ ĐIỀU TRA ÁP DỤNG
BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI
(CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, CHỐNG TRỢ CẤP VÀ TỰ VỆ)
LIÊN QUAN TỚI HÀNG HÓA XUẤT, NHẬP KHẨU
TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020**



**Diễn tiến các vụ việc PVTM do Việt Nam tiến hành đối với
hàng nước ngoài nhập khẩu trong nửa cuối năm 2020**

STT	Sản phẩm	Mã vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị kiện	Diễn tiến
1	Thép cán nguội (ép nguội) dạng cuộn hoặc tấm	AD08	Trung Quốc	Ngày 21/12/2020: Quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức Mức thuế: 4,43% - 25,22%
				Ngày 21/8/2020: Gia hạn điều tra chống bán phá giá
2	Thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, sơn	AR01.AD04	Trung Quốc, Hàn Quốc	Ngày 18/12/2020: Quyết định rà soát lần 1 việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá
				Ngày 10/11/2020: Quyết định rà soát nhà xuất khẩu mới
3	Sản phẩm Sorbitol	AD14	Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia	Ngày 11/12/2020: Khởi xướng điều tra chống bán phá giá
4	Thép mạ (Tôn mạ)	AR01.AD02	Trung Quốc, Hàn Quốc	Ngày 20/11/2020: Quyết định áp thuế chống bán phá giá dựa trên kết quả rà soát lần 1 Mức thuế: - Trung Quốc: 3,17-38,34% - Hàn Quốc: 7,02-19,00%
				Ngày 20/10/2020: Ban hành kết quả rà soát lần 1 việc áp dụng biện pháp chống bán phá
5	Thép hình chữ H	AR01.AD03	Trung Quốc	Ngày 20/11/2020: Quyết định áp thuế chống bán phá giá dựa trên kết quả rà soát lần 1 Mức thuế: 19,3-29,17%
				Ngày 20/10/2020: Ban hành kết quả rà soát lần 1 việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá
6	Nhôm thanh định hình	AR01.AD05	Trung Quốc	Ngày 18/11/2020: Quyết định rà soát lần 1 việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá

STT	Sản phẩm	Mã vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị kiện	Diễn tiến
7	Đường mía	AD13 - AS01	Thái Lan	Thái Lan Ngày 21/09/2020: Khởi xướng điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp
8	Thép hình chữ H	AD12	Malaysia	Ngày 24/08/2020: Khởi xướng điều tra chống bán phá giá
9	Bột ngọt	AD09	Trung Quốc, Indonesia	Ngày 22/7/2020: Quyết định áp thuế chống bán phá giá chính thức Mức thuế: - Trung Quốc: từ 3.529.958 đồng/tấn đến 6.385.289 đồng/tấn - Indonesia: 5.289.439 đồng/tấn
10	Sản phẩm plastic được làm từ các polyme từ propylen	AD07	Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia	Ngày 20/7/2020: Quyết định áp thuế chống bán phá giá chính thức Mức thuế: - Trung Quốc: 9,05-23,71% - Thái Lan: 17,3-20,35% - Malaysia: 18,87-23,42%

**Các vụ điều tra PVTM mới khởi xướng đối với hàng xuất khẩu Việt Nam
tại thị trường nước ngoài trong nửa cuối năm 2020**

STT	Quốc gia khởi xướng điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Loại vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian
1	Canada	Ghế bọc đệm <i>(Upholstered seating for domestic purposes)</i>	Chống bán phá giá, Chống trợ cấp	Việt Nam, Trung Quốc	21/12/2020
2	Indonesia	Hạt nhựa EPS <i>(Expansible polystyrene)</i>	Biện pháp tự vệ	Toàn cầu	18/11/2020
3	Hoa Kỳ	Sợi dún polyester <i>(Polyester textured yarn)</i>	Chống bán phá giá	Malaysia, Indonesia, Thái Lan và Việt Nam	17/11/2020
4	Thái Lan	Thép cán nóng <i>(Hot rolled steel)</i>	Chống bán phá giá	Việt Nam, Ai Cập	16/11/2020
5	Indonesia	Giấy bọc thuốc lá <i>(Cigarette Paper)</i>	Biện pháp tự vệ	Toàn cầu	26/10/2020
6	Đài Loan	Gạch men <i>(Ceramic Tiles)</i>	Chống bán phá giá	Ấn Độ, Việt Nam, Malaysia, Indonesia	28/10/2020
7	Ấn Độ	Ống đồng <i>(Copper tubes and pipes)</i>	Chống trợ cấp	Malaysia, Thái Lan, Việt Nam	25/09/2020
8	Thái Lan	Màng bọc bằng nhôm <i>(Aluminium foil)</i>	Biện pháp tự vệ	Toàn cầu	24/09/2020
9	Canada	Thép cốt bê tông <i>(Concrete Reinforcing Bar)</i>	Chống bán phá giá	Algeria, Ai Cập, Indonesia, Ý, Malaysia, Singapore, Việt Nam	22/09/2020

STT	Quốc gia khởi xướng điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Loại vụ việc	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian
10	Philippines	Hạt nhựa mật độ cao (HDPE) và hạt nhựa mật độ thấp tuyến <i>(High-density polyethylene (HDPE) and linear low-density polyethylene (LLDPE))</i>	Biện pháp tự vệ	Toàn cầu	14/09/2020
11	Malaysia	Gạch ốp lát <i>(Ceramic Floor and Wall tiles products)</i>	Biện pháp tự vệ	Toàn cầu	11/09/2020
12	Malaysia	Polyethylene Terephthalate <i>(PET, PETE hoặc PETP hoặc PET-P)</i>	Chống bán phá giá	Việt Nam, Trung Quốc, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ	28/07/2020
13	Malaysia	Thép không gỉ cán nguội <i>(Cold rolled stainless steel in coils, sheets or any other form)</i>	Chống bán phá giá	Việt Nam, Indonesia	28/07/2020
14	Hoa Kỳ	Ống đồng <i>(Seamless Refined Copper Pipe and Tube)</i>	Chống bán phá giá	Việt Nam	20/07/2020

Diễn tiến trong các vụ việc PVTM đang điều tra đối với hàng xuất khẩu Việt Nam trong nửa cuối năm 2020

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
1	Hoa Kỳ	Lốp xe ô tô (<i>Passenger vehicle and light truck tires</i>)	Việt Nam, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan	30/12/2020	Kết luận sơ bộ điều tra chống phá giá, có hành vi phá giá (Biên độ: Việt Nam (0% - 22.30%), Hàn Quốc (14.24% - 38.07%), Đài Loan (52.42%-98.44%) và Thái Lan (13.25%-22.21%)), gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa
2	Malaysia	Polyethylene terephthalate	Việt Nam, Trung Quốc, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ	28/12/2020	Kết luận sơ bộ: áp thuế chống bán phá giá tạm thời. Mức thuế: 0% - 57,75%
3	Malaysia	Thép cán nguội không gỉ (<i>Cold rolled stainless steel</i>)	Việt Nam, Indonesia	28/12/2020	Kết luận sơ bộ: áp thuế chống bán phá giá tạm thời. Mức thuế: 7,73% - 34,82%
4	Malaysia	Thép mạ nhôm kẽm (<i>Flat rolled product of non-alloy steel plated or coated with aluminium and zinc</i>)	Việt Nam	20/04/2020	Kết luận cuối cùng: áp thuế chống bán phá giá chính thức. Mức thuế: Việt Nam (3,06%-37,14%); Trung Quốc (2,18%-18,88%) và Hàn Quốc (9,98%- 34,94%)
5	Hoa Kỳ	Máy cắt cỏ (<i>Walk-Behind Lawn Mowers</i>)	Trung Quốc, Việt Nam	23/12/2020	Kết luận sơ bộ điều tra chống phá giá, có hành vi phá giá (Biên độ: Việt Nam (183,87% - 221,34%), Trung Quốc (67,95% - 84,26%)), gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa
6	Hoa Kỳ	Sợi dún polyester (<i>Polyester textured yarn</i>)	Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Việt Nam	14/12/2020	Kết luận sơ bộ điều tra chống phá giá, có hành vi phá giá (Biên độ: Việt Nam (54,13%), Indonesia (26,07%), Malaysia (75,13%), Thái Lan (56,8%)), gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa
7	Ấn Độ	Thép không gỉ cán phẳng (<i>Flat rolled stainless steel coil</i>)	Việt Nam và một số nước	11/12/2020	Kết luận sơ bộ điều tra chống bán phá giá: Chấm dứt điều tra với Việt Nam do có lượng nhập khẩu không đáng kể

STT	Quốc gia điều tra	Sản phẩm bị điều tra	Quốc gia/Vùng lãnh thổ bị điều tra	Thời gian	Diễn tiến mới
8	Canada	Thép chống ăn mòn (Tôn mạ - COR)	Việt Nam và một số nước	16/10/2020	Kết luận cuối cùng điều tra chống trợ cấp: Không áp thuế chống trợ cấp
9	Ấn Độ	Choline Chloride	Trung Quốc, Malaysia, Việt Nam	25/08/2020	Kết luận cuối cùng điều tra chống bán phá giá: có hành vi phá giá (Biên độ: Trung Quốc (70-80%), Việt Nam (30-50%), Malaysia (70-80%)), gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa
10	Indonesia	Thép mạ nhôm kẽm (<i>Aluminum galvanized steel</i>)	Việt Nam, Trung Quốc	24/08/2020	Gia hạn điều tra chống bán phá giá thêm 6 tháng
				30/07/2020	Công bố dự thảo kết luận điều tra: Tôn lạnh của Việt Nam đang bán phá giá và gây thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa
11	Malaysia	Thép mạ nhôm và kẽm (<i>Non-alloy Steel Plated or Coated with Aluminium and Zinc</i>)	Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc	13/08/2020	Quyết định áp thuế chống bán phá giá tạm thời. Mức thuế: Việt Nam: 3,94 - 37,14%, Trung Quốc: 2,17 - 18,88%, Hàn Quốc: 9,98 - 34,94%
12	EU	Sản phẩm thép nhập khẩu (<i>Steel products</i>)	Toàn cầu	Tháng 07/2020	Kết luận cuối cùng điều tra rà soát lần 2 về việc áp dụng biện pháp tự vệ: Tiếp tục áp dụng biện pháp hạn ngạch thuế quan (TRQ) và áp thuế 25% ngoài hạn ngạch
13	Malaysia	Sản phẩm thép cuộn cán nguội (<i>Cold-rolled steel coils, alloy and non-alloy</i>)	Việt Nam	28/07/2020	Thông báo rà soát hành chính lệnh áp thuế chống bán phá giá năm 2016



DIỄN TIẾN CÁC ĐIỂM NÓNG CĂNG THẲNG THƯƠNG MẠI NĂM 2020

Mỹ - Trung

Đã hòa hoãn hơn nhưng sẽ không sớm chấm dứt



Sau khi bị đẩy đến cao trào năm 2019, cuộc chiến thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ dường như đã phần nào hạ nhiệt trong năm 2020. Một phần lý do là bởi ngay đầu năm 2020, hai Bên đã đạt được thỏa thuận thương mại giai đoạn 1, qua đó ngăn chặn đà leo thang của các biện pháp trừng phạt lẫn nhau. Thêm vào đó, nửa cuối năm 2020 diễn ra cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ nên căng thẳng thương mại được tạm hòa hoãn để theo dõi biến động chính trị lớn nhất ảnh hưởng đến các chính sách đối ngoại của quốc gia này. Mặc dù vậy, giới quan sát cho rằng nguyên nhân vẫn chủ yếu nằm ở việc đại dịch COVID-19 khiến cả hai phải tập trung xử lý cuộc khủng hoảng y tế và lèo lái nền kinh tế trong tình huống chưa từng có tiền lệ, không còn sức để "gây chiến" thêm nữa.

Ngày 07/12/2020, Trung Quốc cam kết vẫn đang nghiêm túc tuân thủ Thỏa thuận thương mại giai đoạn 1 với Mỹ, trong đó bao gồm việc tiếp tục mua nhiều mặt hàng nông sản Mỹ như đậu nành, và đảm bảo vấn đề sở hữu trí tuệ. Phản hồi lại, phía Mỹ cũng công nhận Trung Quốc đã đáp ứng phần lớn cam kết trong thỏa thuận, dù có đôi chút chậm trễ do ảnh hưởng từ dịch bệnh. Đồng thời, nước này cũng cho biết chưa có kế hoạch áp thuế bổ sung lên hàng hóa của Trung Quốc cho đến khi quá trình chuyển giao nhiệm kỳ Tổng thống hoàn tất. Vòng đàm phán về thỏa thuận thương mại giai đoạn 2 giữa Mỹ và Trung Quốc dự kiến sẽ tiếp tục được tiến hành sớm sau giai đoạn này.

Tuy đã phần nào hòa hoãn nhưng Mỹ vẫn tiếp tục thể hiện các động thái công kích với Trung Quốc. Ngày 18/12/2020, Bộ Thương mại Mỹ tuyên bố đưa 60 công ty Trung Quốc vào một danh sách đen thương mại, không cho phép các công ty từ Mỹ có hoạt động kinh doanh với những doanh nghiệp này.

Thậm chí, ngay trước khi rời nhiệm sở, ông Donald Trump còn ký phê chuẩn dự luật cấm các công ty nước ngoài niêm yết tại sàn giao dịch Mỹ nếu các nhà quản lý từ Mỹ không thể thẩm định báo cáo kiểm toán tài chính của các công ty này. Động thái này được nhận định là nhắm tới doanh nghiệp Trung Quốc, vốn không hay minh bạch các vấn đề tài chính và đang ô ạt niêm yết trên sàn chứng khoán Mỹ, khiến căng thẳng thương mại Mỹ - Trung gia tăng đáng kể trong những tháng cuối kỳ tại nhiệm của ông Trump. Dự luật này đã nhanh chóng được thông qua và nhận được ủng hộ từ cả đảng Dân chủ và Cộng hòa. Giới quan sát cho rằng những động thái này khiến chính quyền mới của Tổng thống Joe Biden sẽ bị buộc phải duy trì thái độ cứng rắn với Trung Quốc.

Bất chấp tác động từ trừng phạt thuế quan và dịch bệnh COVID-19, hoạt động xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ vẫn tăng trưởng tốt trong năm 2020. Trong năm 2020, Trung Quốc xuất siêu sang Mỹ tới 317 tỷ USD, tăng kỷ lục 7,2% so với mức thặng dư 295,8 tỷ USD của cả năm 2019. ■

Mỹ - EU

Lại chuyện trợ cấp máy bay

Nếu như các năm trước căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Liên minh châu Âu (EU) xoay quanh các động thái mới từ phía Mỹ như thuế thép hay thuế với ô tô, thì năm 2020, tranh cãi giữa hai Bên lại quay về một chủ đề rất cũ: trợ cấp cho ngành sản xuất máy bay.

Mỹ và EU, quê hương của hai hãng sản xuất máy bay lớn là Boeing và Airbus, từ lâu đã cáo buộc lẫn nhau về các khoản trợ cấp dành cho hãng hàng không mỗi Bên. Mâu thuẫn này càng được đẩy lên cao vào những năm gần đây, trong vụ DS316 và DS353 (vụ kiện lần lượt của Mỹ và EU liên quan đến các khoản trợ cấp của đối phương), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã ra phán quyết cho phép Mỹ và EU được áp thuế trả đũa lên hàng hóa nhập khẩu của nhau, mở ra một "cuộc chiến trả đũa" chưa thấy hồi kết.

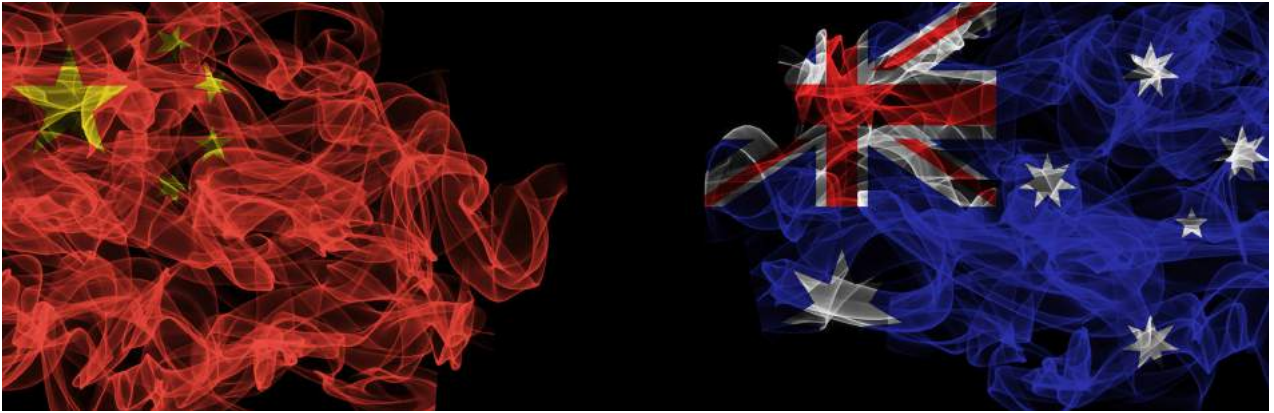
Ngay sau phán quyết cho phép của WTO, tháng 10/2019, Mỹ đã áp thuế 10% lên máy bay Airbus sản xuất tại EU, và 25% đối với một số sản phẩm đồ uống và nông sản EU như một "đòn trừng phạt" với trợ cấp của EU cho Airbus. Thực tế, WTO đã cho phép Mỹ được áp thuế lên tới 7,5 tỷ USD hàng hóa nhập khẩu từ châu Âu và Washington vẫn chưa sử dụng hết hạn ngạch này. Do đó, Mỹ hoàn toàn có thể mở rộng danh sách các mục tiêu đánh thuế nếu tình hình căng thẳng thương mại leo thang.

Cũng chờ đợi rất lâu để được nhận phán quyết cho phép đáp trả thuế quan của WTO vào tháng 10/2020, ngay tháng 11 sau đó, Liên minh châu Âu (EU) đã áp thuế 15% lên mặt hàng máy bay dân dụng, và 25% đối với một số hàng hóa khác nhập khẩu từ Mỹ bao gồm trái cây, các loại hạt, rượu... với tổng trị giá lên tới 4 tỷ USD. Phản ứng lại, ngày 30/12/2020, Văn phòng Đại diện Thương mại Mỹ (USTR) tuyên bố sẽ áp mức thuế bổ sung 25% lên một số mặt hàng nhập khẩu từ EU như linh kiện máy bay và rượu, nhưng chưa thông báo chính thức ngày áp thuế.

Hai Bên đã tiến hành nhiều cuộc đàm phán song phương để tìm cách giải quyết vấn đề, nhưng từ năm 2004 đến nay, vẫn chưa có cuộc đàm phán nào đạt được kết quả khả quan. Cả Mỹ và EU đều cáo buộc động thái áp thuế của đối phương là không có cơ sở pháp lý do các khoản trợ cấp cơ bản đến nay đều đã được bãi bỏ, và đều bày tỏ lập trường cứng rắn trước các cuộc đàm phán có thể trong tương lai liên quan đến tranh chấp này. Tuy vậy, EU cũng đề xuất việc đàm phán một thỏa thuận toàn diện toàn cầu về trợ cấp sản xuất máy bay để chấm dứt mâu thuẫn thương mại này.

Bên cạnh tranh chấp về trợ cấp máy bay, quan hệ thương mại Mỹ-EU cũng còn vô số các vấn đề phát sinh trong nhiệm kỳ của ông Trump. Mặc dù COVID-19 khiến hầu hết các mâu thuẫn giữa hai Bên phải gác lại, điều này không có nghĩa là chúng đều đã được giải quyết êm thấm. Với các chính sách đối ngoại được cho là sẽ mềm mỏng và mang tính hợp tác cao hơn với các đồng minh của chính quyền Biden, lãnh đạo EU đều tỏ ra rất kỳ vọng vào khả năng giải quyết các bất đồng và cải thiện mối quan hệ thương mại giữa hai khu vực kinh tế bên bờ Đại Tây Dương. ■



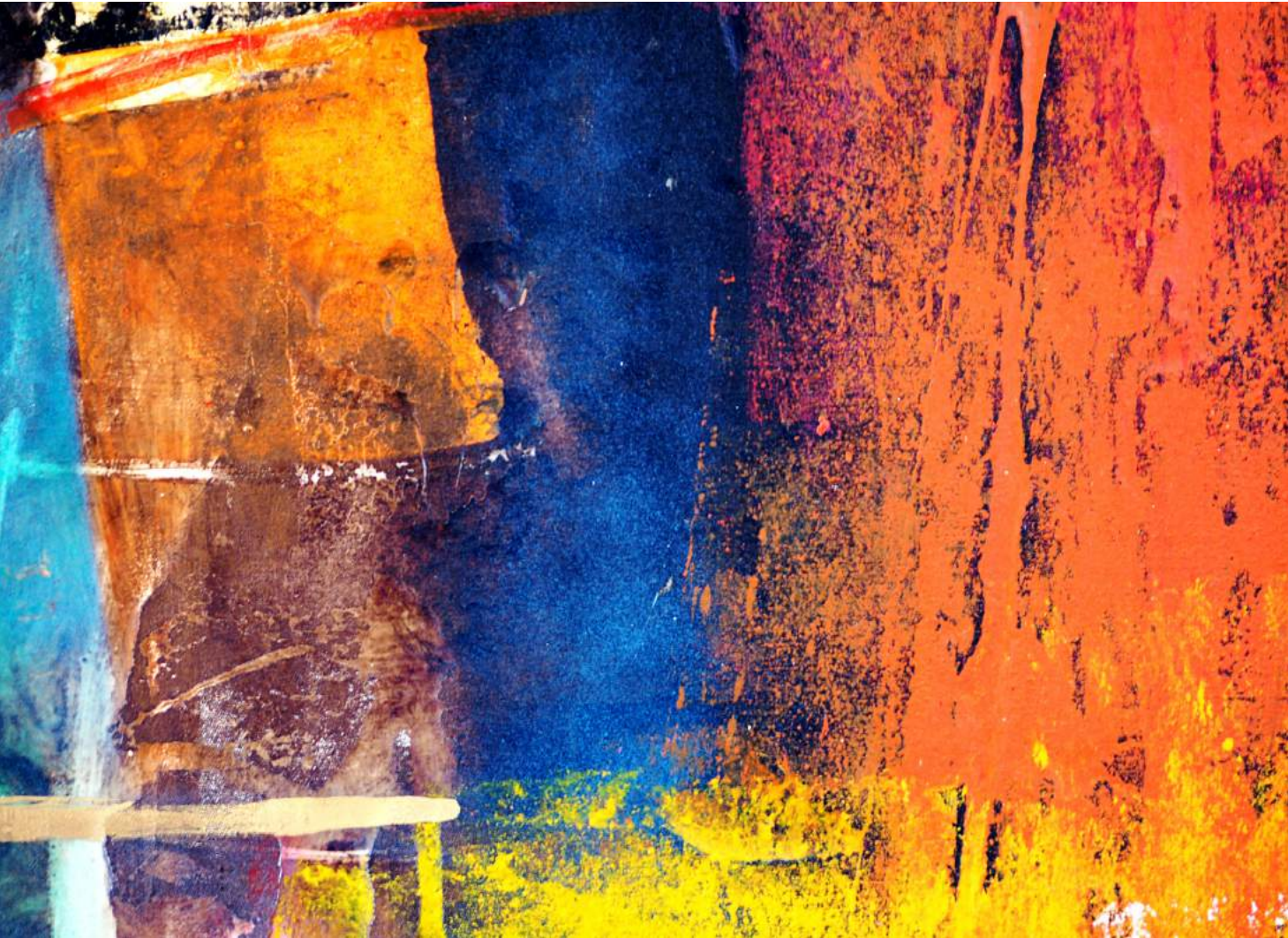


Trung Quốc – Australia Đột ngột đối đầu

Trung Quốc và Australia vốn có quan hệ thương mại tương đối “hòa thuận” trong một thời gian dài. Năm 2018, quan hệ giữa hai Bên có dấu hiệu rạn nứt khi Australia cấm cửa công nghệ 5G của Huawei và ra luật mới chống can thiệp và tình báo nước ngoài mà Trung Quốc được cho là đích nhắm tới. Mặc dù vậy, vết rạn này hầu như không quá nghiêm trọng, trong bối cảnh không chỉ Australia mà nhiều nước khác như Mỹ, Canada, Anh, Ấn Độ... cũng có động thái tương tự vì lý do an ninh quốc gia.

Nguyên cơ chính cho căng thẳng thương mại đột nhiên nóng lên giữa hai nước này liên quan trực tiếp tới COVID-19. Tháng 4/2020, dịch bệnh mà phương Tây trước đó cho là chuyện riêng của Trung Quốc và vài nước xung quanh, đột ngột đổ bộ vào châu Âu, sau đó là Mỹ và các khu vực khác trên thế giới với tốc độ tàn phá không ai lường trước được. Ngay khi đó, Thủ tướng Australia Scott Morrison ra lời kêu gọi một cuộc điều tra quốc tế về nguồn gốc của virus corona.

Trung Quốc dường như không thể chấp nhận được điều này, lập tức “khai hòa” các biện pháp đánh vào các lợi ích của Australia, bắt đầu từ tháng 5/2020 và kéo dài suốt trong cả năm. Đầu tiên là việc áp thuế chống bán phá giá hơn 73% và thuế chống trợ cấp gần 7% đối với lúa mạch Australia. Mức thuế này đã và đang gây thiệt hại nặng nề đến ngành lúa mạch của Australia, vốn đang phụ thuộc vào Trung Quốc như thị trường xuất khẩu chính và gần như chưa tìm được thị trường nào thay thế; trong khi phía Trung Quốc lại có nhiều lựa chọn nhà cung cấp khác như EU, Canada, Argentina... Sau đó, Trung Quốc tiếp tục gây trở ngại cho Australia ở những mặt hàng khác mũi nhọn xuất khẩu của nước này như bông, gỗ, than, đồng, đường, len, thịt bò, thịt cừu, tôm hùm, rượu vang... Tháng 11/2020, Trung Quốc đã công bố một hồ sơ liệt kê 14 sự việc “tác động xấu” đến quan hệ song phương Trung Quốc – Australia, bao gồm các tin tức “thù địch với Trung Quốc” của truyền thông Australia, lời kêu gọi điều tra nguồn gốc COVID-19...■



Trước các động thái này của Trung Quốc, Canberra từng nhiều lần bày tỏ rằng sẽ không có ý định đáp trả, và mong muốn giải quyết tranh chấp thông qua đàm phán với Trung Quốc. Tuy nhiên, điều này dường như không tác động nhiều tới quyết tâm trả đũa của Trung Quốc suốt năm 2020 vừa rồi. Ngày 16/12/2020, Australia chính thức kiện Trung Quốc ra Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) về vụ phòng vệ thương mại mà Trung Quốc áp dụng với lúa mạch của nước này.

Trung Quốc hiện đang là đối tác thương mại lớn nhất của Australia, với tổng kim ngạch xuất khẩu từ Australia sang Trung Quốc trị giá 89,3 tỷ USD, chiếm tới 32,8% tổng kim ngạch xuất khẩu ra thế giới của Australia năm 2019. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Australia sang Trung Quốc bao gồm quặng kim loại, khoáng sản, thịt, đá quý, len, gỗ...■

EU VÀ TRUNG QUỐC KÝ KẾT THỎA THUẬN ĐẦU TƯ TOÀN DIỆN

Ngày 30/12/2020, Trung Quốc và EU đã ký kết một thỏa thuận đầu tư toàn diện (CAI) dưới hình thức trực tuyến sau hơn 8 năm đàm phán. Thỏa thuận là bước tiến mới trong quan hệ thương mại và đầu tư song phương, được kỳ vọng sẽ hỗ trợ tiến trình hồi phục của nền kinh tế hai Bên sau thiệt hại từ dịch bệnh COVID-19.

Trong thỏa thuận này, Trung Quốc cam kết mở cửa thị trường ở mức độ được cho là "lớn nhất từng có" cho các nhà đầu tư đến từ EU. Một số nội dung nổi bật trong thỏa thuận bao gồm các cam kết ràng buộc các doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc, cấm các biện pháp bắt buộc chuyển giao công nghệ, tăng cường phát triển bền vững, và nâng cao minh bạch hóa trong các khoản trợ cấp chính phủ dành cho doanh nghiệp nội địa. Thêm vào đó, Trung Quốc cũng chấp thuận nỗ lực phê chuẩn một số công ước về cấm lao động cưỡng bức của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) - nguyên nhân chính gây cản trở tiến trình đàm phán CAI trong giai đoạn trước.

Để có hiệu lực, CAI cần được cả Trung Quốc và EU phê chuẩn theo quy trình nội bộ của mỗi Bên (với EU thì quá trình này bao gồm thủ tục phê chuẩn của từng quốc gia thành viên châu Âu và của Nghị viện châu Âu). Quá trình này dự kiến kéo dài ít nhất là trong 1-2 năm tới. Theo giới quan sát của EU, tiến trình phê chuẩn của EU nhanh đến đâu tùy thuộc vào việc Trung Quốc chứng minh mình sẽ cải thiện vấn đề nhân quyền ở nước mình ở mức độ nào.

Trong Quý III/2020, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 làm gây thiệt hại nặng cho nền kinh tế Mỹ khi Trung Quốc đã kiểm soát được dịch và bắt đầu hồi phục kinh tế, Trung Quốc đã vượt qua Mỹ để trở thành đối tác thương mại lớn nhất của EU. CIA được đánh giá là sẽ tiếp tục mở ra nhiều cơ hội mới cho nhà đầu tư cả phía Trung Quốc và EU, góp phần củng cố quan hệ thương mại giữa hai nền kinh tế hàng đầu thế giới nói riêng và thúc đẩy tự do hóa thương mại toàn cầu nói chung. ■





ANH VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU HOÀN TẤT THỎA THUẬN HẬU BREXIT

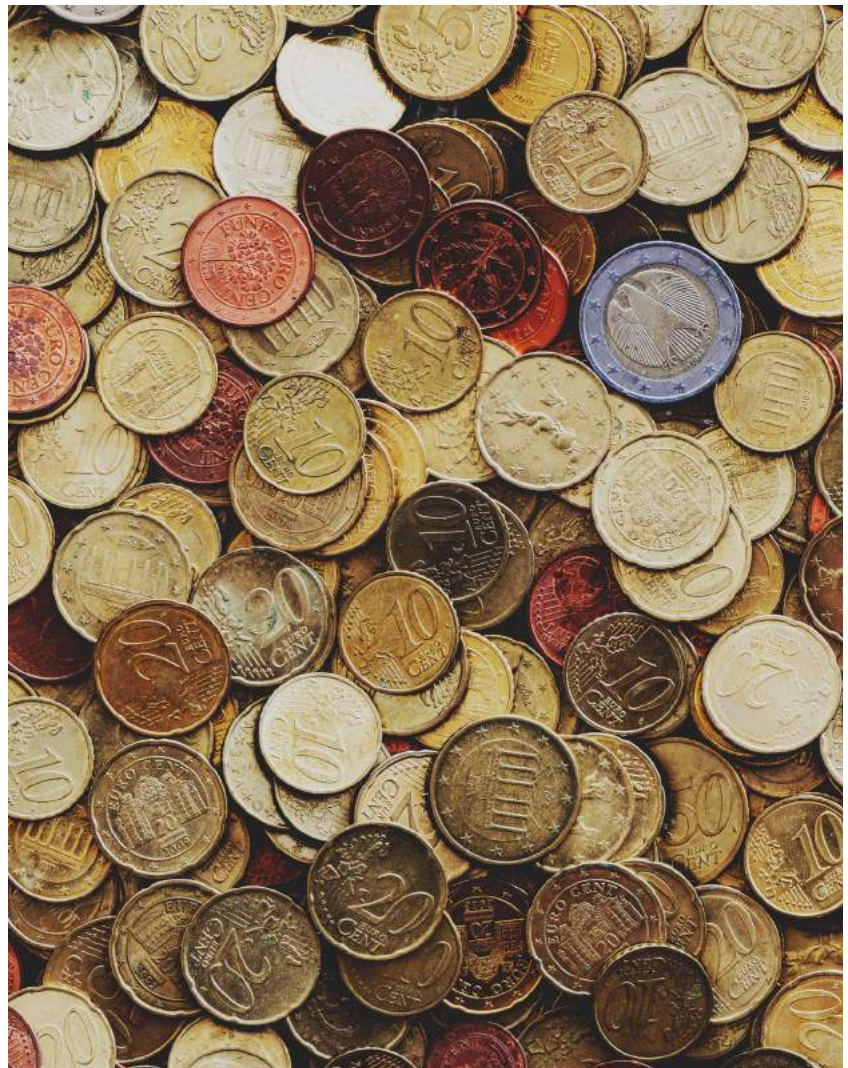
Ngày 30/12/2020, Liên minh châu Âu (EU) và Vương quốc Anh chính thức ký kết thỏa thuận hợp tác và thương mại ngay trước thềm thực thi tiến trình Brexit sau hơn 4 năm dài với nhiều trở ngại. Văn kiện thỏa thuận dài 1.259 trang đặt ra khuôn khổ thương mại hợp tác giữa hai Bên sau khi Vương quốc Anh chính thức rời khỏi EU từ 01/01/2021.

Thỏa thuận bao gồm các cam kết không chỉ trong lĩnh vực thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ, mà còn bao hàm các lĩnh vực khác như đầu tư, cạnh tranh, trợ cấp nhà nước, minh bạch thuế quan, vận chuyển đường bộ và đường hàng không, năng lượng và bền vững, đánh bắt cá, bảo vệ dữ liệu, và hợp tác an ninh xã hội.

Về thương mại hàng hóa, các mặt hàng từ Anh hoặc EU nếu thỏa mãn yêu cầu về quy tắc xuất xứ sẽ tiếp tục được nhập khẩu vào bên đối tác mà không bị áp thuế quan và hạn ngạch. Tuy nhiên, từ 01/01/2021, giữa Anh và EU đã dựng hàng rào hải quan và kiểm soát biên giới, buộc hàng hóa thông thương giữa hai Bên vẫn phải đáp ứng được các thủ tục hải quan nhất định mới được thông qua. Thỏa thuận cũng cho phép Anh được mở rộng những lựa chọn đầu tư mà không bị kiểm soát bởi các điều luật cạnh tranh của EU, kiểm soát vùng biển đánh cá, chủ động ban hành các chính sách nhập cư và chính sách pháp luật khác.

Anh cam kết duy trì các tiêu chuẩn về quyền của người lao động, môi trường và trợ cấp nhà nước của EU, đảm bảo môi trường kinh doanh “bình đẳng” cho các doanh nghiệp EU hoạt động tại thị trường này. Thêm vào đó, việc di chuyển tự do giữa Anh và EU của người lao động cũng bị chấm dứt, đòi hỏi một quá trình thích nghi và nhiều thủ tục mới kèm theo để không làm gián đoạn các hoạt động có liên quan. Ngoài ra, thỏa thuận còn bao gồm các cam kết về năng lượng hạt nhân, trao đổi thông tin mật và các tuyên bố chung khác. Tuy nhiên, Anh sẽ không bị buộc phải tuân theo các điều luật của EU hay không bị xét xử trực tiếp bởi Tòa án Công lý châu Âu.

Thỏa thuận Brexit đã được Hạ viện Anh bỏ phiếu thông qua vào ngày 30/12/2020. Lãnh đạo 27 nước thành viên EU và Thủ tướng Anh đã thống nhất áp dụng tạm thời thỏa thuận này trước khi nó được Nghị viện châu Âu, Hội đồng châu Âu và Thượng viện Anh chấp thuận để chính thức có hiệu lực vào năm 2021.■





CAMPUCHIA ĐẨY NHANH TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP

Năm 2020 được xem là năm ấn tượng của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Campuchia với các bước đi quan trọng, đặc biệt thông qua việc đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do.

Chính thức ký kết Hiệp định thương mại tự do Trung Quốc – Campuchia

Ngày 12/10/2020, Hiệp định Thương mại Tự do Trung Quốc – Campuchia đã chính thức được ký kết chỉ sau 10 tháng kể từ thời điểm khởi động đàm phán vào tháng 01/2020. Đây là Hiệp định thương mại tự do song phương đầu tiên của Campuchia.

Hiệp định này bao gồm các cam kết trong nhiều lĩnh vực như thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, các lĩnh vực du lịch, nông nghiệp, thương mại điện tử... Trước đó, giữa Campuchia và Trung Quốc đã có một FTA chung đã được thực thi là FTA ASEAN – Trung Quốc (ACFTA) với nhiều cam kết ưu đãi thuế quan. So với ACFTA, Hiệp định mới này bổ sung thêm vào danh sách loại bỏ thuế 340 sản phẩm mới bao gồm thủy hải sản, hạt điều, tỏi, ớt..., giúp 97,53% hàng hóa Campuchia xuất khẩu sang Trung Quốc sẽ được miễn thuế hoàn toàn. Đổi lại, Campuchia cũng cam kết xóa bỏ thuế quan cho khoảng 90% dòng hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc, bao gồm cả những dòng hàng thế mạnh của Trung Quốc như hàng dệt may, điện tử...

Hiệp định mới được đánh giá là sẽ giúp Campuchia đa dạng hóa nền kinh tế và hỗ trợ định hướng phát triển kinh tế theo hướng xuất khẩu của nước này. Đồng thời, Hiệp định được cho là một nhân tố để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Sáng kiến “Vành đai và Con đường” của Trung Quốc ở khu vực Đông Nam Á.

Năm 2019, kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và Campuchia đạt 9,42 tỷ USD, tăng 27,29% so với năm 2018. Hiệp định thương mại mới ký kết được kỳ vọng sẽ thúc đẩy mạnh mẽ thương mại giữa hai nước, góp phần hồi phục kinh tế sau tác động từ đại dịch COVID-19. ■





Khởi động đàm phán Hiệp định thương mại tự do Hàn Quốc – Campuchia

Ngày 09/07/2020, Hàn Quốc và Campuchia tuyên bố chính thức khởi động tiến trình đàm phán hiệp định thương mại tự do (FTA) sau hơn 01 năm nghiên cứu tiền khả thi từ tháng 03/2019. Hai bên kỳ vọng sẽ sớm đạt được thỏa thuận trong năm 2021 để hỗ trợ tiến trình hồi phục kinh tế sau đại dịch COVID-19.

Ngay sau khi tuyên bố khởi động, vòng đàm phán đầu tiên của hiệp định đã được tiến hành vào cuối tháng 07/2020. Tại đây, Hàn Quốc và Campuchia đã thảo luận những lĩnh vực quan tâm chính như mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ và phác thảo sơ bộ đề cương Hiệp định. Vòng đàm phán thứ hai được tổ chức vào đầu tháng 09/2020, với nội dung chính là thiết lập danh sách sản phẩm được hưởng ưu đãi thuế quan và các biện pháp tăng cường quan hệ song phương. Dự kiến Hiệp định sẽ bao gồm 06 Chương chính về các lĩnh vực thương mại hàng hóa, quy tắc xuất xứ, phòng vệ thương mại, thủ tục hải quan và thuận lợi hóa thương mại, hợp tác kinh tế, và khung pháp lý.

Nếu trở thành hiện thực, Hiệp định này có thể giúp Campuchia và Hàn Quốc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, đồng thời củng cố củng cố chính sách mở rộng kinh tế “hướng Nam” của Hàn Quốc.

Năm 2019, tổng kim ngạch thương mại song phương Hàn Quốc và Campuchia đạt hơn 1 tỷ USD, tăng 36% so với năm 2018. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa từ Hàn Quốc trị giá 697 triệu USD, đạt thặng dư tới 361 triệu USD với thị trường Campuchia. Hiện tại, Campuchia đang là đối tác xuất khẩu lớn thứ 58 của Hàn Quốc.

Ngoài hai FTA song phương này, Campuchia cũng đang muốn thiết lập FTA với nhiều nền kinh tế lớn khác trong tương lai gần như Nhật Bản, Australia, New Zealand, Ấn Độ và Mỹ.

Campuchia cũng là một thành viên của Hiệp định Đối tác Kinh tế Khu vực (RCEP) được ký kết tại Việt Nam giữa ASEAN với 05 đối tác là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia và New Zealand. ■

HÀN QUỐC VÀ INDONESIA KÝ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

Ngày 18/12/2020, Hàn Quốc và Indonesia chính thức ký kết Hiệp định Thương mại tự do song phương (viết tắt là IK-CEPA) sau hơn 01 năm kể từ khi hoàn tất đàm phán vào 26/10/2019. Hiệp định mới thể hiện cam kết củng cố quan hệ thương mại song phương của hai nước trong bối cảnh kinh tế thế giới đang gặp nhiều thách thức.

IK-CEPA là FTA tương đối truyền thống, với các cam kết về thương mại hàng hóa, quy tắc xuất xứ, phòng vệ thương mại, hải quan và tạo thuận lợi thương mại, thương mại dịch vụ, đầu tư, hợp tác kinh tế và khung pháp lý.

Về thương mại hàng hóa, Indonesia cam kết xóa bỏ 92,06% dòng thuế quan hàng hóa nhập khẩu từ Hàn Quốc, bao gồm cả một số mặt hàng chính như gạch ốp tường, phụ tùng ô tô... Đổi lại, Hàn Quốc sẽ loại bỏ 95,54% dòng thuế cho Indonesia, trong đó có những mặt hàng chủ chốt của Indonesia như dầu nhớt, trái cây khô, áo thun...

Về thương mại dịch vụ, Indonesia cam kết mở cửa thị trường dịch vụ cho Hàn Quốc cao hơn mức đã cam kết trong RCEP. Về định hướng mở cửa một số lĩnh vực dịch vụ, Hiệp định áp dụng cơ chế "ratchet" (chỉ tiến không lùi) tương tự CPTPP, theo đó Indonesia và Hàn Quốc sẽ chỉ có thể mở cửa các thị trường dịch vụ rộng hơn cho nhau chứ không thể siết chặt hơn so với mức đang có. Cơ chế này được áp dụng với 35 lĩnh vực dịch vụ của Hàn Quốc, và 13 lĩnh vực dịch vụ của Indonesia.

IK-CEPA không chỉ tăng cường mở cửa thị trường song phương mà còn được cho là nền tảng đánh dấu sự hợp tác toàn diện giữa Indonesia và Hàn Quốc, trở thành động lực chính đẩy mạnh quan hệ giữa hai nước. Đây là FTA song phương thứ ba mà Hàn Quốc ký kết với khu vực Đông Nam Á sau Singapore và Việt Nam, và là FTA đầu tiên với một đối tác trong khu vực này kể từ khi Hàn Quốc công bố Chính sách hướng Nam vào năm 2017.

Năm 2019, tổng kim ngạch thương mại giữa Hàn Quốc và Indonesia đạt 15,65 tỷ USD. Trong đó, Indonesia xuất khẩu sang Hàn Quốc 7,23 tỷ USD hàng hóa, và nhập khẩu 8,42 tỷ USD hàng hóa từ Hàn Quốc. ■







SUY NGẪM VỀ CON ĐƯỜNG HỘI NHẬP FTA TRƯỚC THỀM 2021

2020 là năm mà Việt Nam có những bước đi dài trong hội nhập kinh tế quốc tế theo chiều sâu thông qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA). Tháng 8/2020, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và EU (EVFTA) chính thức có hiệu lực; tháng 11/2020, Hiệp định Đối tác Toàn diện Khu vực (RCEP) được ký kết; tháng 12/2020, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (UKVFTA) được ký và có hiệu lực.

Như vậy, Việt Nam đã tham gia tổng cộng 15 (FTA), với tổng cộng 51 đối tác ở hầu hết các khu vực trên thế giới. Trong số các FTA này có cả các FTA thế hệ mới tiêu chuẩn cao nhất (như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương CPTPP, EVFTA), FTA có quy mô lớn nhất (như RCEP) và nhiều FTA truyền thống. Với các Hiệp định này, Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế có mức độ mở lớn nhất trong khu vực. Lợi ích kỳ vọng từ các FTA này là rất lớn, nhưng cũng có không ít quan ngại về những thách thức trong thực thi cũng như hiện thực hóa các cơ hội.

Chuyên đề của Bản tin lần này xin giới thiệu bài phỏng vấn với Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Giám đốc Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) về tác động, cơ hội và thách thức từ các FTA của Việt Nam. Bài phỏng vấn được đăng trên Thời báo Kinh tế Việt Nam, Số Tết Tân Sửu 2021.



2020 - Năm ấn tượng của hội nhập





TS. Nguyễn Thị Thu Trang, Giám đốc Trung tâm WTO và Hội nhập - VCCI

Năm 2020 đánh dấu những bước đi ấn tượng của Việt Nam về hội nhập kinh tế qua các hiệp định thương mại tự do (FTA) với việc tham gia tới 3 Hiệp định thương mại gồm EVFTA, RCEP và UKVFTA. Các FTA này mở ra thị trường rộng lớn chưa từng có cho Việt Nam. Bà đánh giá thế nào về “bữa tiệc lớn” hội nhập của Việt Nam năm 2020 cũng như cơ hội Việt Nam có được từ các FTA này?

Nếu nhìn từ những con số thì quả thật năm 2020 là năm ấn tượng. Đằng sau đó là những nỗ lực vận động đặc biệt và quyết tâm mạnh mẽ của Việt Nam. Chúng ta đều hiểu để các cơ quan EU phê chuẩn một Hiệp định lớn như EVFTA không hề dễ dàng. Cũng như vậy, rất khó để có thể tạo ra sự thống nhất giữa cả 15 đối tác RCEP vốn có quá nhiều khác biệt, trong bối cảnh COVID-19 đang khiến tất cả các nền kinh tế thành viên chật vật, và một Ấn Độ thoái chí trong tự do hóa. Vì vậy, tôi cho rằng những gì đạt được trong năm qua là những cột mốc đáng ghi nhận trong tiến trình hội nhập theo chiều sâu của Việt Nam. Và tôi tin là bất kỳ doanh nghiệp Việt Nam nào đã và đang ngóng chờ vào những cơ hội xuất nhập khẩu, hợp tác đầu tư với các đối tác đều sẽ rất vui mừng trước kết quả này.

Tuy nhiên, chúng ta đều hiểu rằng những gì đạt được trong năm 2020 là thành quả của cả thập kỷ nỗ lực của Việt Nam, cả trong việc mặc cả với đối tác cũng như trong thử thách các giới hạn thay đổi của chính chúng ta. Thực tế, việc ký kết hay phê chuẩn các FTA này chỉ là hoàn tất công việc mở đường. Tiếp theo sẽ là chuyện vận hành và sử dụng những con đường này. Chẳng có bữa tiệc nào bày sẵn trên đó cả, chúng ta phải tự tranh thủ những con đường mới này để tìm kiếm bữa tiệc cho chính mình.



Được biết VCCI vừa có khảo sát doanh nghiệp về các FTA. Theo bà sự chuẩn bị về thực lực, nội lực của doanh nghiệp Việt Nam để đón nhận các FTA hiện nay như thế nào?

Vâng, chúng tôi vừa mới thực hiện một khảo sát doanh nghiệp về vấn đề này, hiện vẫn đang xử lý dữ liệu. Tuy nhiên, kết quả sơ bộ cho thấy có những chỉ dấu tương đối tích cực cho việc thực thi các FTA từ góc độ doanh nghiệp.

Ví dụ so với các kết quả khảo sát của VCCI trước đây về cùng vấn đề, các doanh nghiệp hiện đã có hiểu biết tốt hơn về các FTA, đã bắt đầu chủ động quan tâm tìm hiểu các cam kết cụ thể trong các FTA liên quan tới mình. Tùy từng Hiệp định, đã có khoảng 15-30% biết khá rõ hoặc rất rõ về các cam kết liên quan.

Tuy nhiên, nếu nói rằng doanh nghiệp Việt Nam đã sẵn sàng để hiện thực hóa các lợi ích từ các FTA này thì có lẽ còn quá sớm. Khảo sát cho thấy trên một nửa các doanh nghiệp thừa nhận năng lực cạnh tranh của họ còn kém so với đối thủ, khiến việc tận dụng các cơ hội FTA hạn chế. Đáng chú ý là hơn 1/3 các doanh nghiệp biết rằng cần điều chỉnh cách thức, dây chuyền sản xuất kinh doanh để tranh thủ các FTA, nhưng lại không có đủ khả năng điều chỉnh, vì không đủ tiền, hoặc vì không biết phải điều chỉnh thế nào.

So với một khảo sát mà VCCI thực hiện cách đây 5 năm thì các tỷ lệ đáng quan ngại này đã giảm đáng kể trong khảo sát năm 2020, cho thấy các doanh nghiệp Việt Nam đã tự tin dần, và năng lực cũng được cải thiện dần theo quá trình hội nhập. Mặc dù vậy, rõ ràng tỷ lệ các doanh nghiệp chưa thật sẵn sàng cho việc tận dụng các FTA như thế này vẫn còn là rất cao. Và nếu điều này không được khắc phục tốt, cơ hội từ các FTA khả năng lớn vẫn sẽ chỉ là cơ hội với nhiều doanh nghiệp.



Có ý kiến lo ngại Việt Nam tham gia cùng lúc quá nhiều FTA giống như uống quá nhiều “thuốc bổ”. Với một cơ thể còn yếu như Việt Nam thì sợ rằng chúng ta không hấp thụ được hết “thuốc bổ” và nó sẽ có tác dụng ngược. Bà bình luận gì về nhận định này?

Cá nhân tôi không nghĩ các FTA giống như thuốc bổ. Bởi khác với thuốc bổ, cứ uống vào có thể tốt lên chút gì đó, chẳng có FTA nào tự động và đương nhiên mang lại lợi ích thực tế cho chúng ta cả. Và lại Việt Nam cũng không phải là cơ thể yếu ớt đến mức phải uống thuốc bổ suốt như vậy. Chúng ta tham gia các FTA để mạnh hơn, chứ không phải vì chúng ta quá yếu.

Mặc dù vậy, tôi hiểu và chia sẻ lo ngại ẩn đằng sau hình ảnh này. Các FTA là mở cửa hai chiều. Cạnh tranh, đặc biệt trên thị trường nội địa, sẽ tăng lên theo các FTA. Nếu không cẩn thận thì chưa biết anh có thể vác chuông đi đánh xứ người thế nào, ở nhà đã mất phần rồi.

Tuy nhiên, nếu nhìn suốt chặng đường hội nhập các FTA của chúng ta thì có lẽ cũng không cần quá lo lắng về điều này. Cạnh tranh là tất yếu, nhưng cạnh tranh cũng đã và đang giúp thanh lọc điểm yếu, tạo sức ép để các doanh nghiệp của chúng ta nhanh nhẹn hơn, bền bỉ và giỏi hơn so với trước kia, ở cả thị trường trong nước lẫn nước ngoài. Tôi tin là các FTA đã đóng góp không ít thì nhiều vào những kết quả kinh tế mà chúng ta đã đạt được, như GDP luôn ở топ dẫn đầu khu vực, thu nhập bình quân đầu người năm sau cao hơn năm trước, kim ngạch xuất nhập khẩu mỗi năm mỗi tăng, và cả trong thành tích tăng trưởng xuất khẩu thời COVID...



Các FTA là mở cửa hai chiều



Tất nhiên, lợi ích hay nguy cơ từ mỗi FTA là khác nhau, tùy thuộc vào đối tác FTA là ai. Ví dụ với RCEP, nhiều ý kiến lo ngại hơn về cạnh tranh trên thị trường nội địa, khi Việt Nam đang nhập siêu rất lớn từ các đối tác như Trung Quốc, Hàn Quốc, ASEAN... và cơ cấu sản phẩm lại tương đồng. Mặc dù vậy, chúng tôi đã làm một thống kê sơ bộ về mức độ cam kết cắt giảm thuế quan trong RCEP của Việt Nam, và thấy rằng mức mở cửa của Việt Nam trong RCEP thậm chí còn nhiều hơn so với các FTA hiện đã có với cùng các đối tác. Như vậy, phần lớn hàng hóa từ các đối tác hầu như sẽ chỉ có lợi hơn theo RCEP nếu được nhập vào Việt Nam để sản xuất hàng xuất khẩu tận dụng quy tắc xuất xứ RCEP.







Nhiều số liệu cho thấy dường như khối FDI lại tận dụng tốt hơn cơ hội từ các FTA (minh chứng khi chúng ta chưa tham gia WTO, FDI chiếm chưa đến 50% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, nhưng từ khi Việt Nam tham gia WTO, thì thị phần của FDI trong xuất khẩu của Việt Nam tăng dần lên khoảng 70%, thậm chí có năm là 72%). Như vậy lợi ích từ hội nhập mang đến cho doanh nghiệp Việt Nam chưa nhiều. Vậy làm thế nào để doanh nghiệp Việt Nam lật ngược được thế cờ này?

Đúng là nhìn vào so sánh này thì cảm giác đầu tiên của phần lớn chúng ta là “xót của”. Cảm giác như “người nhà” đang bị “người ngoài” lấy mất phần to nhất, ngon nhất của miếng bánh hội nhập.

Kỳ thực điều này vừa đúng vừa không đúng. Đúng là ở chỗ phần lợi ích của doanh nghiệp Việt Nam trong xuất khẩu còn hạn chế, và vì vậy còn có vô số dư địa để cải thiện, để gia tăng phần lợi ích này. Không đúng là vì không ai hạn chế tỷ lệ tận dụng ưu đãi từ các FTA cả, FDI hưởng lợi không cản trở doanh nghiệp Việt hưởng lợi. Nói cách khác không phải cái bánh chỉ có bằng ấy, và không phải chúng ta đang tham gia ăn một cái bánh. Chúng ta đang cùng nhau làm nên cái bánh thì đúng hơn, làm nhiều thì ra cái bánh to hơn. Nếu xét về giá trị thực thì doanh nghiệp Việt Nam đang ngày càng xuất khẩu nhiều hơn, tức là đã lớn hơn đáng kể so với chính mình, chỉ có điều lớn nhanh không bằng FDI mà thôi. FDI có nhiều lợi thế, từ kinh nghiệm đến vốn, từ năng lực quản trị đến cạnh tranh.

Vì vậy có lẽ với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam, một trong các cách thức hiệu quả để lớn nhanh hơn là học tập từ các FDI xuất khẩu, nhìn vào cách họ làm để tự sửa mình, học hỏi và cố gắng kết nối với họ để tranh thủ sức bật cộng hưởng. Hai bên không phải trong trận chiến tôi sống anh chết, lật ngược hay đánh đổ nhau, mà là cùng nhau phát triển.



Mỗi FTA là một con đường ưu tiên,
với điều kiện và yêu cầu riêng,
không mâu thuẫn hay triệt tiêu
lẫn nhau



Bức tranh hội nhập thời gian qua của Việt Nam cho thấy chúng ta rất hào hứng với các FTA mới trong khi xao nhãng những FTA cũ. Làm sao để Việt Nam có thể điều phối các hiệp định thương mại tự do đang có trong tay một cách nhuần nhuyễn, hiệu quả nhất?

Vâng, chúng ta thường thích cái mới mẻ, nhất là những thứ được nhiều người nói là tốt, trông lại hoành tráng đồ sộ. Các FTA thời gian vừa rồi như CPTPP, EVFTA hay RCEP là những hiệp định “đình đám” vì nhiều lý do, tiêu tốn không ít giấy mực của báo chí, nên được nhiều người biết đến cũng là điều bình thường.

Tuy nhiên, không phải doanh nghiệp nào cũng chỉ biết tới các FTA này đâu. Cũng theo khảo sát vừa rồi của VCCI, các FTA có tỷ lệ doanh nghiệp biết rõ nhất không phải là các FTA mới mà là các FTA với các đối tác quan trọng (như với EU, Trung Quốc, ASEAN, Nhật, Hàn...). Hơn nữa, việc các FTA mới được tuyên truyền sâu rộng cũng đồng thời đánh động doanh nghiệp về các FTA trước đây mà họ có thể chưa từng nghe tới, cho nên đây cũng là cơ hội “ra mắt” trở lại các FTA cũ.

Tất nhiên có nhiều FTA sẽ khó điều phối hơn là chỉ một vài FTA. Tuy nhiên việc này dường như không quá phức tạp như tưởng tượng. Mỗi FTA là một con đường ưu tiên, với điều kiện và yêu cầu riêng, không mâu thuẫn hay triệt tiêu lẫn nhau. Chính phủ quản trị mỗi con đường theo quy tắc đã được thống nhất, nếu nhiều con đường hướng tới cùng một đối tác, nguồn lực bỏ ra để vận hành có thể tiết kiệm hơn. Doanh nghiệp có năng lực đáp ứng điều kiện chạy xe của đường nào thì đi đường đó, nếu cùng lúc thỏa mãn yêu cầu của nhiều đường thì lựa chọn của doanh nghiệp còn thuận tiện hơn chứ không có thiệt gì.

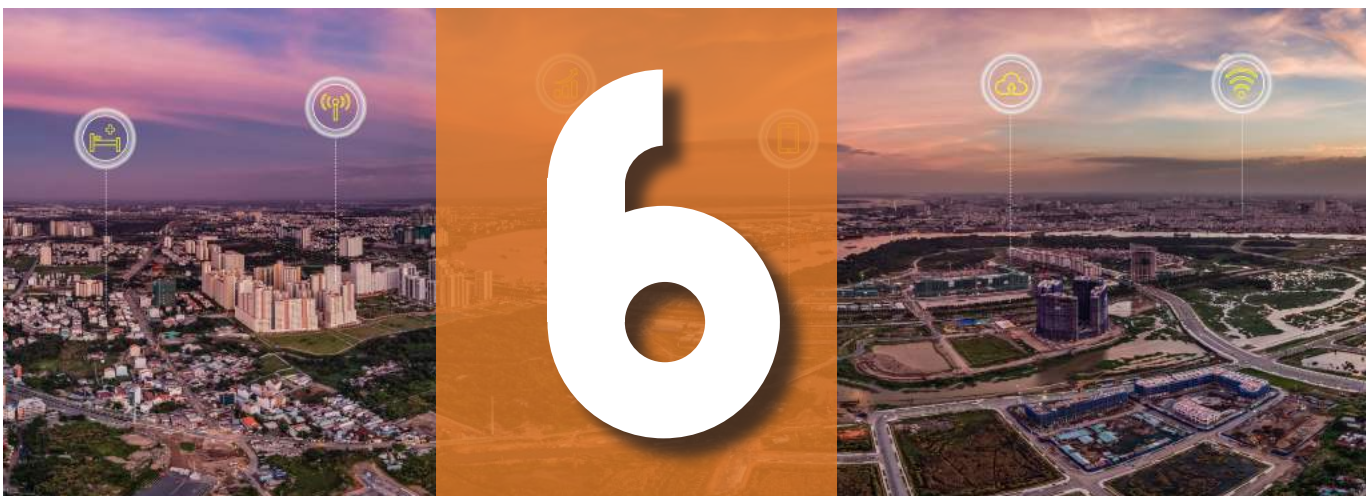
Trong một dịp gần đây, khi nói về phát triển bền vững trong các FTA, bà đã thông tin rằng không ít doanh nghiệp lo lắng về các cam kết tiêu chuẩn cao về lao động, môi trường. Nhưng đồng thời bà cũng cho rằng lo lắng này cũng đồng thời hé lộ những hy vọng. Xin bà phân tích cụ thể hơn về điều này?

Trong số các FTA hiện có, CPTPP và EVFTA là hai Hiệp định có những cam kết tiêu chuẩn cao về các vấn đề liên quan tới phát triển bền vững như lao động, môi trường, trách nhiệm xã hội... Chi phí tuân thủ các cam kết này có thể không nhỏ, đặc biệt với các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động hay có hoạt động sản xuất kinh doanh ảnh hưởng tới môi trường.

Tức thực tế này, không ít doanh nghiệp lo lắng. Họ có thể chưa biết rằng không phải cam kết nào về phát triển bền vững cũng sẽ làm thay đổi hiện trạng chính sách ở Việt Nam, hoặc nếu có cũng không phải là ngay lập tức. Nhưng bản thân sự lo lắng ấy cũng cho thấy doanh nghiệp đã quan tâm và chuẩn bị cho những thay đổi khi được yêu cầu.

Và nếu các doanh nghiệp đều sẵn sàng, thậm chí chủ động đi trước trong những vấn đề này, chúng ta sẽ có điều kiện không thể tốt hơn để thực hành phát triển kinh tế bền vững, xanh và nhân văn. Điều này là tốt cho tương lai lâu dài của chính doanh nghiệp, cũng như của cả nền kinh tế.

Mà kể cả nếu doanh nghiệp bỏ qua những lợi ích trong xa xôi, việc thực hành các tiêu chuẩn này cũng có thể tạo ra lợi thế cạnh tranh tức thời cho doanh nghiệp, ở cả thị trường xuất khẩu lẫn trong nước. Người tiêu dùng ngày nay đang trở thành người tiêu dùng thông minh, nhân văn và có trách nhiệm hơn. Doanh nghiệp vì thế cũng sẽ phải nâng cấp chính mình để bắt kịp thế hệ người tiêu dùng mới này.



Để không như xảy ra tình trạng như một số chuyên gia nói: Việt Nam ký FTA giống như một công ty mua một chiếc xe vận tải cực kỳ tốt để ngắm, để cho nó mục nát, rỉ sét... vai trò của chính phủ và doanh nghiệp phải thế nào thưa bà?

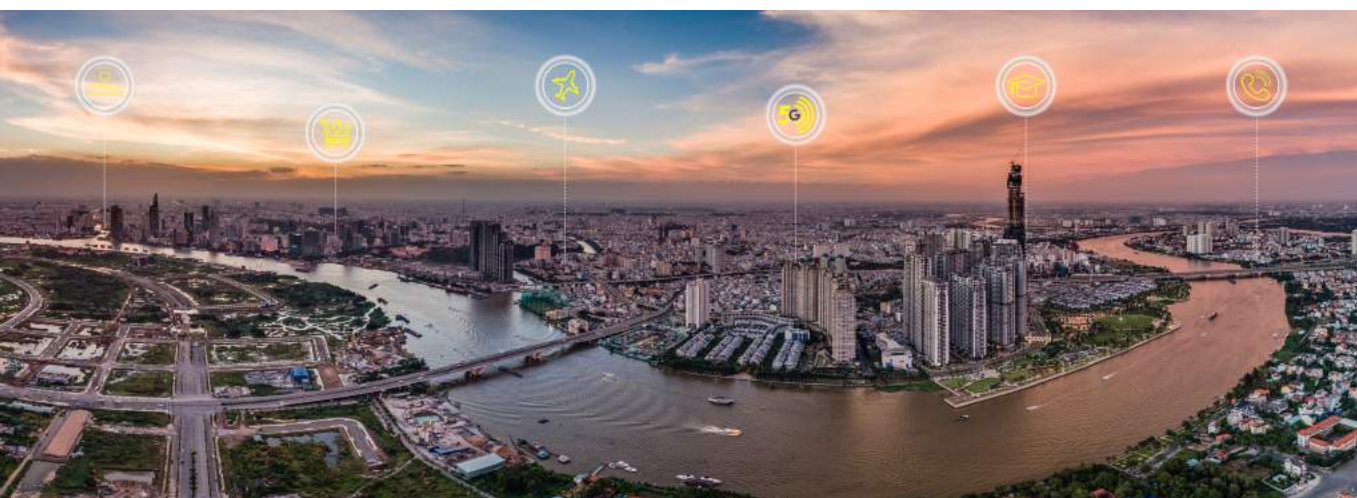
Con đường hội nhập FTA chúng ta chẳng thể đi một mình, không thể thiếu vai trò của ai, dù là Nhà nước hay doanh nghiệp

Nói thật là tôi thích ví các FTA như những con đường hơn. Xe nếu không dùng thì có thể bán cất lỗ, đường đã mở thì chẳng thể di chuyển đi đâu hết, không dùng thì hoang phế thôi.

Thực tế các con đường FTA của chúng ta có thể chưa dùng hết công suất nhưng cũng chẳng tới nỗi cỏ dại mọc lút đầu đầu. Ví dụ, tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan theo các FTA của Việt Nam trong những năm gần đây đứng ở hàng cao so với các nước ASEAN, trung bình so với thế giới, và thậm chí vượt trội so với nhiều đối tác cùng FTA.

Tuy nhiên, rõ ràng là những lợi ích thu được từ các FTA còn xa so với kỳ vọng. Nguyên nhân thì có nhiều, nhưng theo Khảo sát của VCCI thì có hai lý do lớn nhất. Một là năng lực cạnh tranh, hiểu biết của doanh nghiệp về các FTA còn hạn chế. Hai là bất cập trong công tác tổ chức thực thi FTA và hỗ trợ doanh nghiệp của các cơ quan Nhà nước.

Để khắc phục, qua đó tận dụng tốt hơn các FTA, cả doanh nghiệp và Nhà nước đều phải chủ động nâng cấp chính mình, đồng thời phối hợp và hỗ trợ đối phương. Nhà nước có thể giúp tư vấn cho doanh nghiệp về các cam kết FTA và triển khai các chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh ngành bài bản và thực chất. Doanh nghiệp cũng phải tham gia cùng Nhà nước vào quá trình nội luật hóa các FTA, đề xuất giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh... Tôi tin rằng trên con đường hội nhập FTA chúng ta chẳng thể đi một mình, không thể thiếu vai trò của ai, dù là Nhà nước hay doanh nghiệp.

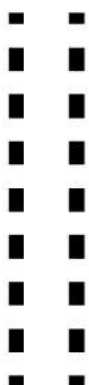


THÔNG TIN VỀ CÁC FTA CỦA VIỆT NAM CUNG CẤP BỞI TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP - PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)

- Website www.trungtamwto.vn(tiếng Việt) và www.wtocenter.vn (tiếng Anh) >> Mục FTA (<http://trungtamwto.vn/fta>)
- Facebook: Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI
- Đường dây tư vấn, Dịch vụ tư vấn theo vụ việc (Email: banthuky@trungtamwto.vn; Điện thoại: 024 3577 1458)



Giấy phép xuất bản số: 38/GP-XBBT, ngày 04/07/2019
Chịu trách nhiệm xuất bản: TS. Nguyễn Thị Thu Trang
Thiết kế đồ họa: tranhamy.kts17@gmail.com
In tại Công ty TNHH Một Thành Viên In Công Nghiệp Ánh Dương



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 24 35771458
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Website: www.trungtamwto.vn/www.chongbanphagia.vn/www.aecvcci.vn
Facebook.com/[trungtamwtovahoinhap](https://www.facebook.com/trungtamwtovahoinhap)